

**TIỂU LUẬN
KIM CANG BỘ
HAY
TÍNH KHÔNG TRONG MẬT GIÁO**

Cư sĩ Liên Hoa

<http://www.lien-hoa.net>

---o0o---

Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Chuyển sang ebook 27-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Kính dâng lên chư Tổ, Ân sư Thích Viên Đức, Thích Quảng Trí và những hành giả Du già đã, đang âm thầm duy trì và phổ biến Mật giáo tại Việt Nam.

- Kính tri ân những tác giả các quyển sách mà tôi đã trích đăng hay tham khảo khi viết tiểu luận này.
- Thương tặng Thanh- người vợ và là người bạn đạo đồng hành.

NĂM 2001

---o0o---

Diệu tánh hư vô bất khả phân

Hư vô tâm ngộ đắc hà nan

Ngọc phần sơn thượng sắc thường nhuận

Liên phát lô trung thấp vi càn

Dịch:

Rỗng không tánh diêu chẳng thể vin

Tâm ngộ rỗng không nào khó được

Sắc ngọc tươi nhuận trong núi chày

Trong hàm lò lửa nở hoa sen

Thiền sư Ngộ Ân

Khoảng 5 giờ lái xe hay 340 dặm từ New Orleans đi Monroe, cùng nằm trong tiểu bang Louisiana. Gia đình tôi đã rời xa thực sự nơi này sau những 9 năm trời dung thân ở đó. Khi rời New Orleans để đến sinh sống một nơi mới, dù là cùng trong Tiểu bang, nhưng cảm giác lại vời vợi xa xăm. Chín năm dài so với thời gian vô cùng vô tận thì thật là ngắn ngủi, nhưng cũng đủ gọi là quen thuộc mọi thứ, từ con đường, từ tên gọi, từ hàng quán v.v..như những dấu ấn chằng chịt in sâu trong tâm trí.

Sự thực này đã nói lên phần nào sự trăn trở của nội tâm, vì tất cả sự vật đều vô thường, mỗi sát na là mỗi đoạn đường trôi qua, biến đổi. Mỗi người, ai cũng đều mang hy vọng nắm được những gì trong tầm tay để cho là đạt được, dù biết là mong manh. Hai chuyến xe không lò cùng 2 chiếc xe nhà đã chuyên chở những đồ gia dụng cần thiết đến nơi mới, một số lớn bỏ lại cho những người quen biết và căn nhà được bán cho chủ mới. Thật gọn gàng, giản dị như nó đã đến và nay đi. Mỗi đoạn đời đi qua, có những lúc ta thu góp thêm và đôi khi lại có những mất mát như để làm cho sự quân bình của cuộc sống. Khi xe bắt đầu lăn bánh, cơn mưa chợt ào tới, vội vã, không nặng hột, nhưng theo đuổi suốt đoạn đường dài từ New Orleans đến nơi định cư mới, như để xóa đi dấu vết lưu luyến của một nơi mà nhiều năm qua trú ngụ.

Trong cuộc hành trình này, chúng tôi có một người bạn đồng hành- đó là con Mudita. Nó là con chim két gốc ở Nam Mỹ, gồm năm màu, thật đẹp. Nó đến với gia đình tôi vì có duyên với nhau. Lúc đầu, gia đình tôi bắt đầu chỉ nuôi một con chim hoàng yến, sau thấy có một con, nó sẽ buồn nên tặng từ một đến sáu con. Dịp này, đang lúc tang mẹ trong vòng 49 ngày. Mỗi thất đều có những người bạn đạo, các bác quen biết v.v..đến tụng kinh để cầu siêu, nhưng mỗi lần bắt đầu cho buổi lễ là cả một tràng nhạc trời dậy. Tất cả các con chim đều hót, hay nói đúng hơn, la hét om sòm...nên một hôm, sáu

con chim hoàng yến được đem đi đổi để chỉ lấy mỗi con Mudita này. Nó rất hãnh diện nhìn mọi người trong nhà, vì nghĩ rằng một mình nó có giá trị những sáu con kia. Ít hét hơn, những mỗi lần hét lại to lớn hơn. Ít phá hơn, nhưng khi vung cánh đập thì thức ăn văng khắp nơi. Cho nên, nó cũng là đề tài sôi nổi trong nhà. Một huynh hướng cho rằng, làm sao dạy cho nó biết nói để rồi dạy nó niệm Phật. Nếu nó biết niệm tên Phật, có lẽ kiếp sau sẽ hóa kiếp cao hơn là làm thân súc sanh; với lại phải có duyên với mình nên mới có mặt trong gia đình này. Nên nuôi nó cũng là làm phước vì bỏ ra, nó sẽ lang thang không có gì để ăn vì là loại nuôi trong nhà. Huynh hướng thứ hai cho rằng nuôi như vậy là cầm tù nó, vì tất cả các loài đều muốn sống tự do chứ không phải trong lồng. Nói gì khác cũng chỉ là nguy biện mà thôi. Con người mà ta dạy cho niệm Phật, biết nhân biết quả còn khó hưởng gì là cầm thú. Huynh hướng nào cũng có đầy đủ lý lẽ để biện hộ cho mình; cho nên, cả hai luôn âm ỉ chống lẫn nhau khi có dịp, đó là cuộc chiến tranh lạnh. Cho đến một hôm, huynh hướng thứ hai thắng thế. Có nghĩa là phải thả con chim Mudita ra, phải thả nó ra...Đã hai, ba ngày, tôi lẳng lặng đem lồng của con Mudita để ngoài garage và để cửa lồng mở, nó có thể thản nhiên bay đi, tự do.. nhưng đừng cho người chủ huynh hướng thứ hai nhìn thấy. Nhưng ba ngày trôi qua, nó vẫn im lìm như mọi chuyện bàn tán chung quanh về nó không có gì phải bận tâm. Và đến ngày thứ tư, chuyện gì đến đã đến, con gái tôi học về sớm nên đi đón em nó đi học, chờ về nhà. Xe vừa vào garage, khám phá ra không có bóng dáng Mudita trong lồng, đảo đạc tìm kiếm, đồng thời trên cao chót vót của cây Magnolia trước nhà, từng hồi “két ! két !” của Mudita vang lớn. Không biết đó là tiếng sung sướng vì lần đầu tiên vượt thoát ra khỏi lồng hay vì bờ ngõ, lo lắng của Mudita, nhưng cũng làm hai đứa nhỏ sốt ruột. Bảo Vương- con gái lớn tôi, chờ em trai- Bảo Lân, chạy đến trạm xe Cứu hỏa gần nhà nhờ những nhân viên trong đó chạy đến giúp, vì xe Cứu hỏa có cái thang rất cao. Nhận được phone của đứa con gái, từ chỗ làm tôi vội vã chạy xe về nhà và vô cùng ngạc nhiên khi thấy trước nhà có xe Cứu hỏa, xe cảnh sát và 5 - 6 người đang đứng dưới gốc cây, nhìn lên chót vót cao để tìm cách đem Mudita xuống, nhưng không có cách nào được, vì khi thấy bóng dáng người đến gần, Mudita lại càng trườn lên cao hơn. Hai đứa con tôi khóc sụt sùi với sự vô vọng ấy. Và bỗng nhiên, Mudita vụt cánh bay qua một cây khác, cao hơn, của nhà hàng xóm cách đó mấy căn nhà. Tiếng kêu nó càng lớn hơn vì lần đầu tiên được vươn cánh rộng trên bầu trời quang đãng và như để trêu ngươi mọi người đang kiếm cách bắt lại nó.

Màn đêm từ từ buông xuống, tiếng chim vẫn vang rền trên cao và mọi người không ai có thể chờ đợi được nữa, về nhà. Hai đứa nhỏ đem tất cả

những gì của Mudita để ra khoảng sân rộng rãi sau nhà, lồng, thức ăn, đồ chơi v.v.. với hy vọng nó sẽ bay trở lại?

Sáng sớm, mọi người trong nhà tựa ra sân sau, nhìn quanh, tìm kiếm, với hy vọng thấy bóng dáng của Mudita trở về, nhưng tiếng chim không còn và chung quanh vắng lặng. Thế là Mudita đã bay đi thực sự... không một dấu vết lưu lại. Chỉ một chút biểu hiện trong một khoảng không thời gian – tạm gọi có, nhưng nó lại lay động mạnh trong tâm thức mọi người về duyên hợp duyên sanh và tánh không của mọi hiện tượng.

Tâm người bay nhảy giống như bóng dáng của Mudita, mang trong thân tâm với tất cả màu sắc, như những mâu thuẫn nội kết của nhiều kiếp tích lũy. Nếu được dung dưỡng hoặc nếu không khéo dạy dỗ tâm để thuần thực, thì cả hai trạng thái đó cũng đều đưa đến sự gò bó, ràng buộc tâm trong một nơi chốn nào đó, vì tâm là khoảng trời mênh mông bao la, biến hiện vô cùng tận. Một chút nắm bắt dù dưới tên gọi nào cũng là những ngăn trở, chướng ngại của tâm, không từ đâu đến thì có đi về đâu? Cho nên, tâm trở thành huyền ảo, mâu nhiệm, linh động... nên Mật giáo gọi là thần thông diệu dụng hay Tánh không vì tất cả đều biểu hiện từ tâm. Tại sao lại đặt vấn đề Tánh không trong Mật giáo. Dữ kiện đặt vấn đề đã là một sự sai lầm vì Mật giáo siêu thoát, vượt qua những ràng buộc của ngôn ngữ hoặc tư tưởng. Đặt vấn đề, có nghĩa là đem ra mổ xẻ, phân tích, lý luận và minh chứng...Chiều sâu và chiều dày của tư tưởng là sự đóng khung hay chôn chết thực tại. Tất cả những định hình, giả thuyết, suy tư ...chỉ là giả danh, giả lập để chỉ nói về một khía cạnh nào đó và càng lập ra nhiều giả thuyết, càng lôi kéo tâm thức, trí thức vào vũng lầy hay mây mù của tư tưởng. Cho nên, ví dụ như câu thần chú: “ Om- mani padme hùm”. Người hành giả trì tụng thần chú này, có thể đọc một trăm lần hoặc ngàn hay triệu ức lần (biến) hoặc suốt đời trì tụng chỉ đơn đọc một câu, không cần một sự lý giải hay phân tích, vì đó là câu kinh “vô tự hay vô phân biệt” của tâm.

Mật giáo phô bày tất cả mọi thần thông diệu dụng như thần chú, pháp thuật, linh phù, ấn quyết hay như các cảnh “ diệu hữu” và qua đó, nhiều người hiểu lầm cho là Mật giáo chỉ chú trọng đến pháp thuật, thần thông và không có căn bản trí tuệ. Sự hòa hợp của Mật giáo của Phật giáo vào các tôn giáo khác của từng địa phương khi du nhập vào như Bà la môn, Ấn giáo ở Ấn độ, đạo Lão ở Trung hoa, đạo Bonn ở Tây tạng, Thần đạo ở Nhật v.v.. càng tạo thành hỏa mù khó phân biệt. Hơn nữa, vì là tông phái tu Bí Mật, nên chiều dày của kinh điển của Mật giáo chứa nhiều pháp thuật, linh nghiệm hay sự bí truyền, nghi quỹ, pháp nội ngoại hộ ma... lại được được

bao bọc bởi lớp vỏ thần thông, mặc dù thần thông hay sự linh nghiệm không phải là cứu cánh của Mật giáo. Từ những căn bản này, ta cần tìm hiểu để trả lời : Thực chất Mật giáo là gì? Cõi Diệu hữu trong Mật giáo có chứa đựng Tánh không không? Làm sao biết được tư tưởng Tánh không trong Mật giáo? Đây là căn bản trí tuệ của Mật giáo? Mặc dù, thực ra cũng không cần lạm bàn tới vì càng suy luận, minh chứng, sẽ làm sai lệch Mật giáo.

Để hiểu đâu chính là chân Mật giáo của đạo Phật vì khi đi sâu vào nghiên cứu các kinh thuộc Mật tạng, ta nhận thấy lẫn lộn rất nhiều những học thuyết thần bí khác vào trong Mật giáo đích thực. Tuy nhiên, trên phương diện giác ngộ hay sự chứng đắc Tất địa, khi hành giả tu Mật giáo thành tựu Tam mật du gia thì tâm tịch lặng, tháo tung tất cả những ràng buộc của tâm thức, ánh sáng của Bồ đề tôn và hành giả tương ứng, dung hợp, và với sự miên mật với Tri kiến Phật (Gia tri), sức đại nguyện độ sanh càng mãnh liệt. Từ đó, nhìn sâu, nhìn kỹ toàn diện và nhận chân rằng: Cứu cánh của đạo Phật, hay nói riêng của Mật giáo, là giải thoát hay chứng đắc quả Phật, và vì thế nhập vào kho báu vô tận của Chân tâm, nên từ đó người hành giả đem lòng làm lợi ích đến chúng sanh với tình thương vô biên vô tận. Cho nên, nếu các kinh điển hay phương pháp hành trì nào của Mật giáo v.v..có mục đích giúp con người thể nhập với Chân tâm hay Tri kiến Phật và làm lợi lạc cho mọi chúng sanh, thì đó chính thực là Mật giáo của đạo Phật.

Chúng ta được biết, sự xuất hiện của Đức Phật đã phá bỏ truyền thông phân chia giai cấp cũng như những bất an, xáo trộn trong tư tưởng giải thoát của Ấn độ lúc bấy giờ. Cái hạnh phúc an lạc, tự tại, siêu thoát cùng giáo lý uyên thâm, trong sáng, bình đẳng của Đức Phật có từ lực rải khắp mọi sinh linh. Do đó, tất cả những người có duyên tìm đến đức Phật chỉ với mục đích giải thoát khỏi sự đè nặng của vô minh, chứng nhập Phật quả. Nhưng khi Ngài còn tại thế thì bóng mát của Ngài như tàng cây cổ thụ che mát muôn loài. Ý thức được sự Khổ (Đệ nhất Thánh đế), nhận rõ được nguồn gốc Khổ là do Vô minh, cho nên tất cả mọi nỗ lực đều tập trung vào vấn đề sanh tử này. Nhưng khi đức Thế Tôn nhập Niết bàn, khoảng trống mênh mông bao trùm tất cả Tứ chúng. Vấn đề bây giờ không phải chỉ còn là đoạn diệt vô minh phiền não mà còn làm sao tìm thấy được sự hiện hữu của Đức Phật. Từ ước muốn sự hiện hữu bất diệt của Đức Phật lịch sử, dù là trên phương diện tinh thần, dần dần trực nhận ra sự hiện hữu của các đức Phật quá khứ hay Pháp thân thường trụ, bất sanh bất diệt. Đức Phật Thích Ca chỉ là Ứng thân để hóa độ chúng sanh ở cõi Ta-bà này. Mật giáo hay Đại chúng Bộ đào sâu về quan niệm thứ hai này.

Cũng cần ghi chú: Sự vắng bóng của Đức Phật còn đưa đến sự phân chia các Bộ phái, nhất là khi đạo Phật du nhập qua từng địa phương, từng quốc gia. Đạo Phật là tôn giáo đầy sức sống mãnh liệt do tính giác, từ bi và trí tuệ. Cho nên, tại mỗi địa phương khi Phật giáo đến, sức sống đầy sinh lực đó bám rễ và hòa đồng với nền văn hóa, tư tưởng, tín ngưỡng của dân tộc đó và trở thành tôn giáo của mỗi quốc gia với đầy đủ nội dung Phật chất. Vì thế, nhiều Bộ phái đã xuất hiện và phát triển để thích ứng với hoàn cảnh và thời đại, dù đã qua nhiều lần Kết tập Kinh điển để kiến giải những bất đồng về giáo pháp và giới luật như:

- Lần thứ nhất tại thành Vương-xá (Rajagrha) sau khi Phật Nhập diệt, do Tôn giả MahaKassapa và 500 vị A-la-hán dưới sự ủng hộ của vua A-xà-thế (Ajitasatra).

- Lần thứ hai tại thành Phệ-xá-li (Vesali) do 700 vị Tỳ-kheo họp (Sau khi Phật Nhập diệt 100 năm).

- Lần thứ ba tại thành Hoa-thị (Pataliputra) do Ngài Mục-kiền-liên-tử Đế-tu (Moggalipputa-Tissa) cùng 1000 Tăng chúng, dưới sự bảo trợ của vua Asoka (Sau khi Phật nhập diệt hơn 200 năm)

- Lần thứ tư tại Tịnh xá Hoàn Lâm (Kundalavana-samgharama) do Ngài Vasumitra, Ngài Dharmatatra, Ghosa, Buddhadeva và Pasva cùng 500 Tăng chúng, dưới sự bảo trợ của vua Kamiska (Sau khi Phật diệt độ khoảng 600 năm)....

Sau nhiều lần có sự kết tập Kinh điển, tinh hoa

giáo pháp siêu thoát của Đức Phật lại được khai triển vào tận chiều sâu và chiều rộng. Điều đó, càng làm cho cây Phật giáo sống động, vững vàng, phát triển thích hợp với mọi hoàn cảnh, mọi thời đại và tinh yếu của đạo Phật hay Phật chất đã nuôi dưỡng tất cả các mạch sống giải thoát đó.

Giáo chủ của tông Mật - Đại Nhật Như Lai hay Tỳ-lô-giá-na (Vairocana), là Thể tánh thanh tịnh hay Pháp thân, cũng là chỗ Sở y bình đẳng của Báo và Ứng thân. Vì Pháp thân không có hình tướng, nên khi thuyết giáo những pháp môn mâu nhiệm, bí mật, chỉ những vị Đại Bồ tát mới thể nhập, lãnh hội được để truyền thừa. Trong kho tàng Hiền giáo, tức những giáo pháp mà đức Phật Thích Ca giảng dạy tùy theo căn cơ của chúng sanh, thì những kinh chú để gọi là lập nên Mật giáo chỉ nằm rải rác trong các Kinh điển Nguyên

thủy như Kinh Khổng tước hay các Thần chú Thủ hộ trong các Bộ luật. Nhưng trong Bí Mật giáo, còn gọi là Viên giáo, nguồn gốc từ Kinh tạng Đại thừa, ngoài các kinh gốc căn bản như Kinh Đại Nhật, Kinh Kim Cang Đánh, Tô tất địa, còn có vô số các Kinh khác được truyền thừa bí mật.

Ngài Bồ tát Kim cang thủ hay Bồ tát Phổ Hiền được truyền thọ từ Như Lai Đại Nhật, nhưng trên mặt lịch sử, người làm cho Mật giáo khởi sắc và hưng thịnh, phải nói là Ngài Bồ tát Long Thọ- được bên Đông Mật, tôn Ngài là Sơ Tổ của Mật giáo. Sở dĩ phải nhấn mạnh đến Ngài Long Thọ, vì Ngài là người hiện diện trong thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch, khi mà tư tưởng Đại thừa Phật giáo- trước đó tiềm tàng trong giáo nghĩa của các Bộ phái, nay được thành hình. Ngài là một Đại Luận sư cự phách về Tánh không. Điều đó có nghĩa khi phát triển Mật giáo, giáo lý Tánh không hay Phật giáo quan của Ngài đã ảnh hưởng sâu đậm trên mọi Kinh văn, luận giải của Mật giáo.

Trong tiểu luận Liên hoa bộ (viết năm 1988) và tiểu luận Yết ma bộ (viết năm 2000), chúng tôi nghiên cứu và thấy rằng Mật giáo được thành lập rõ rệt vào thế kỷ VII và bắt nguồn từ các tông phái như tông Pháp tướng (Chỉ rõ chơn lý Nhị không và tất cả các pháp đều do thức biến), tông Vô tướng với Kinh Bát nhã làm đại biểu (Nói về Không-Vô tướng để chỉ rõ các Pháp bản lai không), tông Hoa nghiêm (nói về Tỳ-lô Pháp giới, Sự Lý viên dung hoặc Nhân quả, một mà đầy đủ mọi pháp, trùng trùng vô tận).

Do xuất phát từ những căn bản đó, nên Mật giáo là tông phái triệt để thực hành, không chỉ vì đức tin mà còn vì đã kinh qua quá trình thể nhập Hiện giáo. Tìm triết lý Mật giáo thì nên tìm trong những kiến giải hay giáo thuyết của các tông phái kể trên, hoặc giả, nếu người tu Mật giáo càng thâm nhập vào Chân tâm hay thể nhập vào Bản tôn, thì những lý giải, kiến giải hay nhận thức về các Pháp, các trạng thái vi diệu của tâm hay Ba Pháp ấn: Khô-Không-Vô thường Vô ngã đều rõ ràng, trong sáng.

Đạo Phật được gọi là Nhân bản bởi sự xuất hiện của đức Phật là vì con người để chỉ rõ sự sai lầm vọng chấp và khai mở một Đạo lộ hướng đến giải thoát khỏi vòng trầm luân. Đức Phật cũng là một con người bình thường, nhưng vì Giác ngộ nên được gọi là Phật. Cho nên, tất cả các pháp Phật giảng dạy đều vì con người. "Phật pháp bất ly thế gian pháp". Những gì có thể làm cho con người được an lạc, hạnh phúc v.v..đều được sử dụng trong đạo Phật như là một phương tiện thiện xảo để cứu độ sanh linh.

Mật giáo là một Tông phái của đạo Phật, nên cũng vì sự đau khổ bức bách của con người và chỉ con đường đi đến giải thoát, mà thành lập. Tông Bí mật này chia làm năm Bộ tượng trưng cho ngũ uẩn hay năm Trí đức có đầy đủ trong một thân người. Kim cang Bộ là một trong năm Bộ của Mật giáo. Như đã nói, đây chỉ là tạm phân chia để phối ứng hay nói về một khía cạnh của các biến hiện tâm thức như ngũ căn, ngũ trần v.v.. của con người. Chứ con người là một hữu tình tổng thể, không có sự chia cắt, nên Mật giáo cũng vậy, là tổng thể của các Bộ được tạm chia. Bước chân vào Bộ Kim cang, ta nhận thấy được giải thích như sau:

* Kim cang boä :

- Hiện tượng giới: thuộc phương Đông, mùa Xuân

Phong đại, đàn vuông.

- Trong Cơ thể: chủ Can (Gan), Cân (Gân).

- Mùi vị và màu sắc: vị chua, màu xanh.

- Tâm học: Thức uẩn, Đại viên cảnh trí.

- Chủ Bộ: Như Lai A-súc-bệ (Aksobhya), Bồ tát

Kim cang Thủ hay Bồ tát Phổ Hiền.

- Chủng tự: Hùm hoặc Om- Ah Hùm.

Trong thiên nhiên, mỗi năm có bốn mùa tuần tự như Xuân Hạ Thu Đông. Sau những tháng dài trầm mình trong lạnh lẽo, khi gió Xuân bắt đầu thổi về, thì vạn vật đều như bừng tỉnh dậy, sống động, hồi sinh. Những cành cây bắt đầu đâm chồi nảy tược. chim chóc reo vui. Mùa Xuân cũng là mùa của hy vọng, của yêu đương tràn trề. Xuân là khởi đầu của một mùa mới và phương Đông, khi vừng hồng vừa ló dạng cũng là bắt đầu của một ngày mới. Mùa Xuân hay phương Đông cũng tượng trưng cho tuổi trẻ đầy sức sống, đầy nhiệt tình, hăng say, cũng là những năm tháng gầy dựng sự nghiệp cho tương lai. Tuổi trẻ lúc nào cũng đầy ước mơ, lý tưởng, tinh khôi.

Trong cơ thể học, Phong trực thuộc về can (Gan)- chủ về Mộc hay những hoạt động, vận động hoặc gân cốt. Những người mà cơ năng gan điều tiết

tốt, người vui vẻ, da mặt hồng hào, không xanh mét hay hơi thở chua hôi. Càng lớn tuổi, gan suy yếu từ từ, nên người già đi đứng, tay chân hay run rẩy. Tuy nhiên, trong tất cả mọi cơ năng đều có sự chuyển động (Phong), chứ không riêng gì Can. Nếu một cơ quan nào trong cơ thể mà không hoạt động, thì báo hiệu sự suy tàn sắp đến. Phong còn biểu lộ qua ánh mắt đầy tươi sáng hy vọng. Đôi mắt là cửa sổ của tâm hồn. Can hoạt động điều hòa, mắt sẽ luôn tươi nhuận, nhìn qua đôi mắt sẽ biết được tình trạng sức khỏe (Bệnh chứng Hư hay Thực) hay tâm thần của một con người. Những Du huyết (Huyết di động) trong cơ thể bị đau, rát, nhức v.v...cũng có thể biết phần nào bệnh của cơ quan đó. Can còn chủ sự phản nộ, tính khí của con người. Một người khi đang tức giận, mắt đỏ ngầu, mặt xanh mét, tay chân run rẩy "Nộ thương can= giận làm hại gan".

Can còn biểu hiện của sự can đảm. Khi một người có gan tốt, thì ít khi sợ hãi cũng như can đảm để đối phó với hoàn cảnh. Ghi chú: Can đảm khác với vô úy, vì can đảm là trạng thái tinh thần biểu hiện sự xung khí, có ngã có nhân, có sự tính toán, sự phản kháng. Vô úy thì ngược lại, vì đã diệt phiền não, tâm không còn phân chia, vướng mắc, nên tất cả việc làm đều vô ngại, lợi tha, không có bốn tướng (Nhân, ngã, tướng chúng sanh, tướng thọ giả) Khi nghiên cứu về thời sinh học (Chronobiology), qua các "Nhịp sinh học", thì sự chuyển động càng biểu lộ được nhận thấy rõ rệt qua các sự biểu hiện liên đới giữa giờ giấc (Thời gian), sự tuần hoàn của thiên nhiên (Không gian) v.v.. ứng với từng bộ phận cơ thể.

Đến Đạo học Đông phương như trong Đạo đức kinh, chương 42 có nói: Vạn vật phụ âm nhi bảo dương, xung khí dĩ vi hòa" mô tả đến tình trạng rất linh động của sự sống vì sự sống là tập hợp tất cả những mâu thuẫn nhưng luôn luôn dung hòa lẫn nhau. Nếu không có sự mâu thuẫn thì không có Động. Ví dụ: Dương mạnh hơn âm mộc sanh Động, nếu Âm mạnh hơn Dương sẽ sanh Tĩnh, Động và Tĩnh chính là sự chuyển vận, biến hóa hay Phong Đại. "Tương phản nhi bất khả dĩ tương vô" xung đột nhưng luôn luôn cần nhau. Trong Thiên can chỉ có 10 như Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quý, nhưng Địa chi thì có 12 (Tý Sửu Dần v.v...) và tháng Tý đã bắt đầu từ tháng 10 của năm cũ, chứ không phải tháng đầu của năm mới. Sự sai biệt này để tạo thành sự chuyển động, sinh sinh hóa hóa.

Do đó, sự chuyển động được gọi là Phong, biểu tượng cho Thức uẩn, vì Thức là tánh biết biểu lộ của năm giác quan, nhưng luôn phân biệt, giao động từ chấp này đến chấp khác khi đối với cảnh. Thức (Vijnāna) là một trong năm uẩn mà trong Lục thức thì đứng đầu (Thức uẩn) hoặc trong Bát

thức, thì A-lại-gia thức lại là Thức chủ. Thức uẩn do nhiều điểm khác nhau tập hợp mà thành và là tên gọi khác của Tâm và chính Thức biến hiện ra tất cả vạn vật. nên được Tông Duy thức coi đó là Tâm vương.

Trong Kinh Uế Tích Kim Cang Thuyết Thần Thông Đại Mãn Đà-la-ni Pháp Thuật Linh Yếu Môn kể: “Khi Đức Phật sắp nhập Niết bàn tại Thành Câu-thi-na, xứ Lục-xi-xanh, gần bên sông Bạc-đề, trong rừng Sa-la song thọ. Tất cả chư Thiên, Đại chúng, Trời, Rồng đều than khóc, buồn rầu và đều đến đễ cúng dường. Duy chỉ có ông Phạm-Vương Lẽ-Kế thì đang vui đùa cùng Thiên nữ, nên dù đã nghe tin Đức Như Lai sắp vào Niết bàn, cũng không đến thăm hỏi.

Lúc bảy giờ, chư Đại chúng liền nói: “Ngày nay Như Lai vào Niết bàn, vậy sao Phạm Vương không đến ư? Chắc Phạm Vương kia có tâm ngã mạn. Do đó, hết thấy Đại chúng liền sai khiến trăm ngàn chúng Tiểu Chú Tiên đến nơi kia, nhưng khi đến nơi rồi, mới thấy thành vách chỗ đó làm bằng các thứ bất tịnh. Khi thấy như vậy, Chú Tiên kia thấy đều phạm chú mà chết. Đại chúng ngạc nhiên chưa từng có, liền thúc vô lượng Kim Cang cũng khiến trì chú mà đi, qua bảy ngày mà không tới được. Đại chúng thấy vậy, lại thêm phần buồn rầu.

Khi đó, Đức Như Lai thương xót Đại chúng, liền dùng Đại Biến Tri Thần lực nơi bên tay trái của quả tim mà hóa ra Kim Cang Bất Hoại- Vị này từ chỗ ngồi trong Đại chúng, đứng dậy mà bạch rằng: “Tôi có Thần chú thu phục Phạm Vương kia”. Nói xong, liền hiển bày thần thông làm cho tam thiên đại thiên thế giới, sáu lần chấn động, cung Trời, Rồng cùng các cung điện Quỷ Thần thấy đều sụp đổ. Liền tự thân bay đến chỗ Phạm Vương kia, lấy tay chỉ, tức thì các thứ vật xú uế đều biến làm đại địa. Sau đó, Ngài Kim Cang bảo với Phạm Vương rằng: “Người thật là đại ngu si, Đức Như Lai sắp nhập Niết bàn, sao người không đến?” Ngài liền lấy sức bất hoại Kim Cang mà chỉ, Phạm Vương liền phát tâm, đến chỗ Đức Như Lai.”

Tôi đã đọc bài Kinh này nhiều lần, nhưng mỗi lần lại có cái nhìn hay kiến giải khác nhau và mỗi lần như vậy thì tâm lại sáng hẳn như nhìn thấy rõ ràng hơn bản tâm của mình. Tôi không muốn nói đến sự linh nghiệm hay màu nhiệm của câu Thần chú, vì đó không thuộc phần của bài Tiểu luận này. Mặc dù thần thông vẫn có qua sự hành trì miên mật một câu chân ngôn và những hình ảnh thần linh, trời, rồng, La-sát, quỷ v.v..hiện diện đầy dẫy trong các kinh điển Phật giáo- nhất là Mật giáo, làm cho có nhiều người ngộ nhận cho là đạo Phật đa thần. Tất cả những linh thể đó vẫn có và hiện diện ở khắp

mọi nơi, có hình sắc và tư tưởng tùy theo biệt nghiệp, nhưng luôn luôn đối Pháp. Trong Kinh nói rõ, các Thần linh đó thường đến nghe Đức Phật giảng Pháp, hộ Pháp v.v.. và cần cầu tu để thoát ra khỏi thân nghiệp báo đó. Cho nên, nhìn rõ thực tướng đó và vì sợ chúng sanh lầm chấp, tin theo để rồi rơi vào các cõi này và sẽ phải chịu luân hồi vì chưa ra khỏi lục đạo, nên Đức Phật phủ nhận vì đó không phải là cứu cánh đưa đến giải thoát và vì sự vượt qua bờ bên kia mới là tối quan trọng, là sanh tử đại sự. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý là dân tộc Ấn rất kính trọng thần linh. Với dãy núi Himalaya trùng trùng điệp điệp, phủ trùm bao nhiêu là huyền bí. Cái nóng bức của xứ Ấn và dòng sông Gange như những kỳ bí, đặc thù làm cho dân tộc này đắm mình trong những tư tưởng cao siêu. Mật giáo đã du nhập tư tưởng thần linh, huyền bí đó của Ấn độ và chuyển những hình ảnh và tùy nghiệp thức của các quỷ, thần đó làm biểu tượng cho những dạng thái của Tâm thức như quỷ La-sát dụ cho lòng sân hận, ngạ quỷ dụ cho tham, si v.v.. Vì thế, qua nội dung bộ Kinh này, không lý vì Đức Thế Tôn sắp nhập Niết bàn và chỉ vì có một vị Phạm vương không đến mà tất cả Đại chúng phải xao động hẳn lên. Theo thiên ý của tôi, Kinh chỉ muốn nói đến sự biến hiện của tâm thức.

Trong Phẩm Thập địa của Bát thập Hoa nghiêm có nói: “Mọi vật trong tam giới đều do tâm tạo” Đức Thế Tôn tượng trưng cho Tâm vương hay A-lại-gia thức, còn Uế tích Kim Cang (Ucchusma) chính là ý thức, các Đại chúng là Mạt na thức và Phạm vương là các Tâm sở biến hành.

Như chúng ta được biết, A-lại-gia hay Tàng thức (Alayavijnana) có chức năng dung chứa các chủng tử (bijas) tức hạt giống biểu hiện của tâm thức như thánh, phàm, thiện ác, giải thoát hay luân hồi, dị biệt, đa thù v.v.... hay các hữu lậu hoặc vô lậu. Tàng thức có ba tính chất như : 1- Năng tàng (Chủ thể dung chứa) 2- Sở tàng (Đối tượng được dung chứa) và 3- Ngã ái chấp tàng (Chấp ngã thường hằng). Vì thế, tâm được phân ra làm hai phần: Chủ thể nhận thức và đối tượng nhận thức. Đầu tiên, tâm có tác dụng năng động như tàng trữ và bảo trì, vì thế, nên có Năng tàng (Chủ thể) và Sở tàng (Đối tượng) và thứ hai, tác dụng thụ động như Chấp ngã- do Mạt-na thức đem lại. Thức Mạt-na là thức thứ bảy, lấy chỗ dựa và lấy kiến phần từ thức A-lại-gia, mà sanh ra và là gốc rễ của hai tư tưởng chấp trước: Ngã và Pháp.

Do đó, khi Đại chúng (Mạt-na thức) vì cảm thấy sự nhập Niết-bàn của Đức Phật là tối ưu quan trọng (Tâm chấp ngã, chấp tướng sinh diệt) nhưng lại còn một vị Phạm vương không đến quy kính (các Tâm sở biến hành), nên mới nổi giận đem chú Tiên đến để hàng phục. Nhưng vì tâm đó là tâm ngã chấp, còn chướng ngại, cho nên mới thấy thành quách làm bằng uế (Tâm

còn ô nhiễm, đầy trần cấu, tham sân si), khiến các chú Tiên đều ngã lăn ra chết. Muốn hàng phục các Tâm sở (Cetasika) này, cần phải nhờ đến Ý thức vì Tâm sở chỉ là tác năng hoạt động của tâm gồm có nhiều loại khác nhau như: Xúc, tác, ý, thọ tướng, tư v.v...

Trước khi thức A-lại-gia hay Dị thực thức trở thành Vô cấu thức hay Bạch tịnh thức (Amala vijnāna), Mạt-na-thức cần chuyển các Tâm sở biến hành để phá bỏ Ngã chấp và Pháp chấp, nhưng vì Thức này không có năng lực đoạn hoặc hay còn kiến tư hoặc, chấp thủ, nên cần phải nhờ đến Ý thức. Ý thức này đồng khởi lên cùng thức Mạt-na và thức A-lại-gia, nay đã được chuyển thành Trí, nên biểu tượng như Kim Cang Bất Hoại do Đại Biển Tri Thần. Chỉ có Trí tuệ này mới phá trừ được Ngã và Pháp chấp, chuyển từ Mạt-na thức vào sâu trong A-lại-gia, grom báu này cất sạch góc rẽ hữu và vô lậu trong Tàng thức, tạo thành tác dụng bình đẳng của các Pháp. Vì biết rõ các Pháp chỉ là vọng huyễn, nên tự lặng lẽ trở về với Tánh bình đẳng và chuyển hóa tâm ô nhiễm thành tâm thanh tịnh. Đó chính là Kiên thực tâm hay cái tâm kiên cố, chẳng sanh diệt, là Như Lai Tạng tâm. Hình ảnh Uế Tích Kim Cang xuất hiện từ nơi tim của Đức Phật chỉ là Chân như xuất triền và là phương tiện thiện xảo Thần thông Đại mẫn Đà-la-ni Pháp thuật Linh yếu môn như đề tựa của Kinh. Theo như Tông Hoa Nghiêm giải thích:” Tổng cai vạn hữu chi nhất tâm= tức một tâm mà bao quát cả vạn hữu. Cái lý năng tạo là tâm, Phật và chúng sanh là cái lý sở tạo”. Cho nên, sự giác ngộ đến từ nhận thức được Tâm không.

Cũng trong Kinh Kim quang Minh (Suvarnaprabhasa Sutra) được coi là pháp môn Đốn Viên Đại Dụng và là một trong những Bộ kinh thuộc Mật tông. Trong quyển 4, phẩm 16 nói về Trưởng giả Lưu Thủy: " Trong nước của vua Thiên Quang Tự Tại, Ông Trưởng giả Lưu Thủy là vị thầy thuốc thường hay chữa lành tất cả bệnh của chúng sanh, nhờ thân thể được khỏe mạnh nên tất cả đều làm nhiều việc phước thiện, tu hạnh bố thí. Ông có vợ tên là Thủy Không Long Tạng và hai người con là Thủy Không và Thủy Tạng. Một hôm ông dẫn hai người con chu du thiên hạ, từ thành thị đến thôn quê và đến một cái đầm lớn. Chợt thấy các loại dã thú như cọp, beo, chồn, chó, chim, quạ...vừa thấy bóng người liền bỏ chạy. Ông liền đi theo, một lúc thì thấy một cái ao đang cạn nước, lại có nhiều cá đang giãy giụa sắp chết. Khi ấy, có vị Thọ Thần hiện bán thân, nói Trưởng giả Lưu Thủy rằng; Hãy mau cứu chúng vì thật đáng thương. Tên ông được gọi là Lưu Thủy vì hai lý do; 1- Thường hay khai thông dòng nước. 2- Cho nước để cứu chúng sanh. Vì lòng từ bi, Trưởng giả chạy quanh tìm nước, nhưng không có. Khi gặp cây đại thọ, liền bẻ nhánh đem trở lại che cho bầy cá đó. Rồi đi tìm dòng

nước xuất phát từ đâu, nhưng không được. Bỗng thấy con sông tên Thủ Sanh, có nhiều người ác vì muốn bắt cá nên lựa chỗ hiểm, phá vỡ bờ đê, không cho nước xuống. Trưởng giả liền chạy về cầu cứu với Đại Vương, xin cho đem nước đến cứu số cá ấy. Được vua cho sắc lệnh ưng thuận, liền đem nhiều thớt voi cùng những người ở chung quanh thành, đi đến con sông gần bờ đê lấy nước, nhanh chóng chở nước và đổ xuống ao để cứu các con cá. Sau đó, lại sai hai con về nhà lấy những thức ăn mà cá có thể ăn được, vội đem ra cho cá ăn và lại còn vì cá mà nói kinh điển Đại thừa thậm thâm vi diệu Mười hai nhân duyên và xưng danh hiệu Phật Bảo Thắng. Các số cá nhờ nhân này mà được sanh lên cõi trời Đao lợi. Những vị Thiên tử này (Thân kiếp trước là cá) vì nhớ ơn của Trưởng giả Lưu Thủy nên đem chuỗi ngọc anh lạc và nhiều hoa đến cúng dường".

Sở dĩ nhắc đến phẩm kinh nói về Trưởng giả Lưu Thủy, tôi muốn dẫn chứng vài bộ Kinh Mật tạng tiêu biểu và nêu rõ tư tưởng Chân không trong các bộ Kinh Mật để xóa tan những nghi vấn cho là tu Mật không có trí tuệ, vì chỉ chú trọng thân thông. Qua nội dung Kinh, chỉ đề cập đến những công hạnh Bồ tát của tiền thân đức Phật và thật khó cho chúng ta tìm thấy chỗ nào nói đến nói cái Chân Không Diệu Hữu này? Phải chăng Không Tánh được thể hiện qua lòng từ bi vô hạn của Trưởng giả Lưu Thủy không những đối với con người mà cả đến loài bàng sanh như cá. Chỉ những con người không còn chấp Ngã và chấp Pháp, những người mang trọn vẹn Tâm không mới thể hiện được tấm lòng xót thương và xả thân vô úy như vậy. Trong Tam tạng Pháp số viết: " Thấy nghe tánh động thuộc nước = Quán thính tánh động tác thuộc ư thủy". Trưởng giả Lưu Thủy như tên gọi là: Thường hay khai thông dòng nước và, cho nước cứu chúng sanh. Do đó, tên Lưu Thủy là muốn nói đến cái Tâm thức hay Tánh giác của mỗi người.

Trong dòng sông tâm thức của con người, sự cuộn cuộn chảy của thức để làm cho con người có cái ảo giác là mình hiện hữu. Hiện hữu qua sắc thanh, hương, vị, xúc, pháp, qua những gì mình gánh nặng, qua những tưởng tượng v.v... Cho nên, mọi hiện tượng diễn biến khách quan hay nội tại luôn được sinh khởi từ hạt giống thiện hay ác tiềm ẩn trong tâm thức và khi gặp thuận duyên thì các hạt giống đó hiện hành. Vì thế, dòng nước của con sông này có những lưu thủy sai biệt, có khi là nước lớn, nước ròng, nước dậy sóng, nước lặng lẽ im lìm... ứng với những hoa quả của tâm, nhưng tựu chung lại là:

1- Nước quả báo: Có hình sắc, tánh lỏng, nhìn thấy dạng và sức tàn phá của nó đi từ địa ngục cho đến đệ nhị thiên. Do sự tưởng mà mỗi loại

chúng sanh theo vị trí của mình mà chấp trước, đau khổ, rồi trôi giạt trong sáu nẻo.

2- Nước ác nghiệp: Tuy vô hình, nhưng có sức lôi cuốn chúng sanh làm nhiều tổn hại, qua thân, ngữ, ý tác tạo.

3- Nước phiền não: Nước này do lòng tham dục, sân hận, si mê chấp ngã, tuy không hình tướng, nhưng nó tàn hại khốc liệt làm trôi lăn trong sanh tử luân hồi.

Qua phẩm kinh này, cũng làm cho chúng ta liên tưởng đến Phẩm thứ 27 Diệu Trang Nghiêm Bốn sự của Kinh Pháp Hoa. Trưởng giả Lưu Thủy khai thông nguồn nước như thế nào? và đem nước cứu chúng sanh ra sao? Chúng sanh của Lưu Thủy là loài cá và ông đã vì chúng mà nói pháp thâm sâu là Mười hai nhân duyên và xưng danh hiệu Phật Bảo Thắng. Loài cá này phải chăng tượng trưng cho những vọng thức sai lầm của mọi người làm chúng ta giầy giụa trong sự mù mờ chân lý, chìm đắm trong nghiệp lực. Nhờ đã giác ngộ phần nào chân lý nên biến thành tiếng nói của nội tâm (Hình ảnh bán phần của vị Thọ thân hiện ra) và nhờ đó, như nhắc nhở cho chúng ta vững tâm tìm về nguồn nước của Chân như. Trong “Năm tướng thành thân”, thì đây là Thông đạt tâm, vì biết rõ Phật tánh sẵn có nơi mình, thuộc Tín tâm vị. Nên từ đây, phải gia trì tâm Bồ-đề khiến cho chắc bền như Kim cang, mới nhập được vào thể là Kim cang tâm, và từ Kim cang tâm này sáng rực hình ảnh Bốn tôn của Chân tánh. Trưởng giả Lưu Thủy có vợ tên là Thủy Không Long Tạng, phải chăng đó là thức A-lại-gia. Tôi còn nhớ trong Thiền sử Việt Nam có kể về một vị Thiền sư khi được hỏi: " Trên thế gian này, ai cũng có vợ con. Sao Ngài lại không lấy vợ? " Vị Thiền sư đã trả lời rằng: " Có chứ! Ta cũng như mọi người- Ca sa là vợ ta, và quả Bồ đề chính là con ta." Gia đình Trưởng giả Lưu Thủy có hai người con, một tên Thủy Không (có nghĩa chúng đắc Không của Tâm, là Trí Tuệ) và Thủy Tạng (có nghĩa Thể nhập Chân như, là suối nguồn của Từ bi). Như đã nói ở trên, Thủy tượng trưng cho Tánh giác. Nhờ vào Đức Phật Bảo Thắng hay Chân Tánh Bình đẳng luôn luôn ngự thẳng trong tâm mỗi người, cái Ý thức Lưu Thủy đã chuyển các Tâm sở qua thức Mạt-na (Vua Thiên Tự Tại Quang) thành thanh tịnh hóa thức A-lại-gia, qua công việc khai thông ngọn nguồn nước sông Thủ sanh (Ái-Thủ, chấp trước, ôm giữ sanh ra) và tháo gỡ vòng xích Mười hai nhân duyên. Đó là những bước chân mà hành giả cần phải trải qua, mới có thể làm lợi ích chúng sanh được như danh của Trưởng giả Lưu Thủy.

Kim cang bộ là Trí tuệ ba-la-mật xuất phát từ đất Tâm hay A-lại-gia thức. Nơi đó, có đầy đủ những chủng tử thiện, ác, vô ký. Do sự miên mật tu hành từ từ chuyển hóa vùng đất này thành chất màu mỡ nuôi dưỡng bông hoa của Tâm, đó là Trí tuệ và Từ bi. Chất liệu làm nên, nuôi bón Tâm lại là những phiền não, nghiệp chướng, những thất tình, lục dục và có thể nói, nếu không có những chất liệu này, thì Trí tuệ và Từ bi không có. Vì thế, trong Kim cang giới lập nên nghĩa “tức thân thành Phật” xuất phát từ nơi chốn uế trước, phiền não này, sau khi đã thanh tịnh hóa Tâm. Có nghĩa: “Lục đại vô ngại thường tương ưng, bốn thứ mandala không rời khác, ba mật gia trì mau chóng hiện, để vãng trùng trùng là tức thân”. Cho nên, thâm nhập Kim cang giới là vén màn Không tánh và là phát triển toàn diện con người giải thoát, qua sự thể nhập đó. Tất cả đòi hỏi sự thâm tín chư Phật, đó là đất hay nền tảng của Chân tâm. Thâm tín chư Phật giai sung mãn. Sung mãn cái gì? Vì không hiểu rõ hay không tin chắc là mình cũng có Phật tánh nên sẽ thành Phật, thì mình đã làm nghèo nàn đi hay làm lui sụt con đường đi đến Giác ngộ. Điều đó, không có nghĩa là Tánh Phật bị hủy diệt, nhưng khi một niệm móng lên tin tưởng từ tánh giác, Phật tánh sẽ bừng lên sung mãn trong lòng mỗi người. Cho nên, cũng có nghĩa là cần phải vun bồi mảnh đất (Địa hay Thổ) của Tâm

Theo kinh Tỳ-lô-giá-na thì Đàn vương là biểu tượng cho Địa (Prithina) - vì tướng đất vương. Trong đời sống của con người, địa hay đất là môi trường sinh sống ảnh hưởng đến con người. Những biến động, những hoạt cảnh của môi trường, sinh thái v.v..ảnh hưởng đến sự sanh sống của con người về mặt tâm-sinh-lý. Tuy nhiên, cũng những biến động đó, cũng có thể làm con người tìm lại được những mảnh đất màu nhiệm của Chân tâm. Trong lịch sử của nhân loại, đã có biết bao nhiêu con người bình dị chỉ nghe tiếng lá rơi, tiếng nước chảy, tiếng cuộc đất ...mà tâm bừng lên Giác ngộ. Chỉ khi nào, chúng ta không còn quá nhiều phân biệt, cắt đoạn, phân chia hết thực tại, chúng ta mới không hiểu về Đất. Vì đất là chung cho tất cả mọi loại, không phân biệt nên có nghĩa là luôn bình đẳng. Trong đàn pháp Mật giáo, đàn vương tượng trưng cho Đất, có nghĩa là bình đẳng, trong đó chư Tôn biểu tượng cho hữu tình, còn các pháp khí v.v...biểu tượng cho phi tình (tình dữ vô tình), nhưng cũng từ tâm khởi sinh hay mọi tâm pháp đều đã lựa chọn phân minh và quyết định không sai, nên có tánh bình đẳng, được gọi là Trí Ẩn của Như Lai. Qua cặp mắt trí tuệ của bậc chứng ngộ, Ngài Đại sư Chí Tường đã căn cứ vào Kinh Hoa nghiêm, phân tích các sự tướng ra Thể Tướng Dụng làm thành hai môn Bình đẳng và Sai biệt như sáu tướng sau: 1- Tổng tướng: Một mà chứa nhiều đức như thân người có một mà chứa nhiều cơ quan. 2- Biệt tướng: Nhiều đức nhưng mỗi đức mỗi khác như trong thân

người mỗi căn đều khác nhau. 3- Đồng tướng: Nhiều đức nhưng lại chống trái nhau hay nhiều thứ làm thành một tổng thể. 4- Dị tướng: Nhiều nghĩa đối nhau, mỗi thứ mỗi hình loại khác nhau. 5- Thành tướng: Nhiều cái duyên khởi mà thành một tổng thể. 6 - Hoại tướng: Mỗi thứ trụ ở vị trí của mình mà chẳng di động như các căn ở vị trí của mình mà tự dùng. Các pháp này nhìn vào thể tính, thì mỗi một đều có sáu tướng, hoặc ngược lại, nhưng lại viên dung. Vì các pháp viên dung, nên các pháp tức là nhất chân pháp giới vô tận duyên khởi.

Trong Kiên Lao Địa Thiên Nghi quỹ (thuộc Mật tạng do Ngài Thiện Vô Úy dịch từ Phạn ra Hán và Thầy Thích Viên Đức dịch ra Việt văn) nói rằng: " Bấy giờ Kiên Lao Địa Thiên và Công Đức Thiên đều cùng nhau từ tòa ngòai đứng dậy, bạch Phật rằng: "Kinh bạch Thế Tôn! Nếu có Tỳ-kheo Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, đồng nam hay đồng nữ v.v..thường nhiếp ngũ căn, buộc niệm chí tâm, lễ bái cúng dường và niệm tụng chơn ngôn của con. Con hằng thường xuất ra khỏi đất mùi hương thơm làm tươi nhuận kẻ ấy, khiến cho trong thân của họ tăng ích thọ mạng và địa tinh khí sung mãn đầy đủ. Trong thân người hành giả được đặc sắc lực, đặc niệm đặc hỷ, đặc tinh tấn, đại trí tuệ, đại biện tài, tam minh lục thông. Người trời đều ái kính, đặc đại phước đức không thể so sánh cùng tận, thí như phước đức của Chuyển Luân Thánh Vương, ở nơi nào thì cũng như vườn Viên Quán của Trời Đạo lợi. Đời này, đời khác, muôn đời không cùng cực, được sự đa quảng đại phước...Nhu vậy, nên buộc niệm, đi đứng nằm ngòai, tâm không theo ngoại duyên nào khác."

Hai vị Kiên Lao Địa Thiên và Công Đức Thiên đều đồng nói lên lời nguyện cùng Đức Phật, nếu có người nào nhiếp tâm trì chú này thì đặc được những pháp như Kinh đã nói rõ. Làm sao chỉ có buộc niệm, không duyên theo ngoại cảnh mà đặc được được tam minh (1- Túc mệnh minh: Biết tướng sanh tử của mình và mọi người trong đời trước. 2- Thiên nhãn minh: Biết tướng sanh tử đời vị lai của mình và người. 3- Lưu tận minh: Trí biết các khổ tướng và đoạn mọi phiền não) và lục thông, rồi được người trời đều ái kính? Phước báo nào lại đầy đủ để theo hành giả trong muôn đời không cùng cực? Phải chăng đây muốn nói về Chân tâm, vì trong Tâm chứa đầy đủ tất cả muôn vật, muôn pháp và là kho tàng phước báu mà không có gì có thể so sánh được. Muốn đạt được hay thể nhập vào Tánh giác này, hành giả cần phải có tâm kiên cố như đất và luôn luôn sống hoà với Tri kiến này (Kiên Lao Địa Thiên) thì tự nhiên muôn hạnh, muôn công đức v.v...đều trang nghiêm trên thân tâm hành giả. Chỉ có tâm kiên cố, dũng mãnh, không gián đoạn như vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngòai ghé cao Như Lai v.v...của

tư tưởng Nhất thừa Pháp Hoa, thì Tánh Giác màu nhiệm này sẽ tràn đầy trong tâm hành giả như hương thơm (Giới, định, tuệ, giải thoát giải thoát tri kiến) từ đất của Tâm xông lên tằm ướp, chuyển thân hành giả từ thân uế trước thành thân thanh tịnh như Kiên Lao Địa Thiên hay Kim Cang Bất Hoại.

Trong Đại Nhật kinh sơ giải thích: “ Đây là từ nơi bồn hiện ra tích, tu nhân hưởng quả. Tất cả đều là thể của Như Lai Đại Nhật vì nếu như Như Lai chỉ trụ nơi pháp tư chứng, thì không thể độ sanh. Vì sao vậy? Bởi vì các pháp nhiệm màu này vượt khỏi tầm tư, thoát ra từ trong vô sanh, làm sao chỉ bày được. Do đó, Như Lai mới dùng thần lực gia trì, hiện tướng thân khẩu ý khắp trong đường sanh tử. Nếu lià phương tên ấy, chư Phật không thể khai thị bồn địa của mình cho các vị Bồ tát Thượng thủ, huống là các loại hữu tình. Thế nên, biết đó tức là thân Phổ môn, thân Pháp giới hay thân Kim Cang giới vậy”.

Phẩm thứ 15 "Tùng địa đồng xuất" của Kinh Pháp Hoa còn nói rõ hơn: " Lúc bấy giờ, các vị Bồ tát từ các phương khác lại, đông hơn số cát của tám sông Hằng, ở trong đại chúng, đồng đứng dậy chấp tay bạch Phật: "Kính bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn cho chúng con nguyện, sau khi Phật diệt độ, sẽ rộng nói kinh Pháp Hoa ở khắp thế giới Ta-bà, để gia tăng tinh tấn và hộ trì cho nhng người đọc tụng, sao chép, cúng dường kinh này." Phật đáp: " Này Thiện nam tử! Các ông không cần lo hộ trì Kinh này. Vì sao? Vì thế giới Ta-bà đã có số Bồ-tát đông như các cửa của sáu muôn sông Hằng. Mỗi Bồ-tát đều có quyền thuộc cũng đông như vậy. Những Bồ-tát và quyền thuộc đó, sau khi ta diệt độ, sẽ có khả năng gìn giữ, đọc tụng, rộng nói Kinh này".

Khi Phật nói lời này xong, trong ba ngàn đại thiên quốc độ ở thế giới Ta-bà, đất đều rung nứt và từ trong lòng đất, vô lượng ngàn muôn ức Bồ-tát đồng thời vọt lên. Các Bồ-tát ấy, thân như vàng ròng, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, ánh sáng khôn lường, trước kia trú trong hư không ở chỗ thấp nhất của thế giới Ta-bà, nay nghe lời của Phật Thích Ca, nên từ chỗ thấp đó mà phát hiện đến...."

Đây là bức tranh vô cùng hùng tráng, tuyệt diệu để nói về Chân tâm và là niềm cảm hứng vô tận cho những người con Phật đang bước theo vết chân Ngài. Mỗi người đều có Phật tánh và do đó, sẽ trở thành vị Phật. Đây là sự chuyển mình tối ư quan trọng khi nhận ra Tánh giác này. Trong mảnh đất Tâm màu mỡ đó có đầy đủ những đức tánh từ, bi, hỷ, xả, tinh tấn, nhẫn nhục v.v..và dù trải qua bao sóng gió của vô minh, nghiệp thức trôi đến, dù mang

nhiều hình dáng khác nhau trong sanh tử luân hồi, cái Đất Tâm đó vẫn thường hằng, bất biến, kiên cố. Cho nên, khi sống hoà với Tri kiến Phật, thì muôn đức hạnh từ Tâm sẽ bùng lên như một điều tự nhiên khi trăng không còn bị mây che, sẽ trong sáng trên bầu trời.

Trong Kim cang bộ, Đất Tâm hay Tri kiến Phật được Kim cang đánh kinh số lý giải ra 2 nghĩa:

- Bền chắc không thể hư hoại, ví cho chân lý bí mật không thể nghĩ bàn của thật tướng, thường còn, không hư hoại hoặc ví như bản thể vô nhiễm, bất sanh bất diệt của chúng sanh. Đây là ý nghĩa của Cực lý Pháp thân.

- Năng dụng vì Trí dụng của Như Lai phá tan tất cả phiền não, làm hiện rõ thật tướng, dụ như chất sắc bén của kim cang có thể cắt những chất cứng rắn nhất. Đây là tiêu biểu cho đệ nhất nghĩa Không.

Cho nên, Kim cang bộ tương ứng với Chân như

xuất triển, vì lẽ đó, Kim cang đánh số nói: “Giác trí Như Lai như hoa sen nở ra, còn tâm tánh chúng sanh vì mê chướng, nên như hoa sen khép lại”.

Do đó, hành giả thường quán tâm thành vàng trắng tròn sáng để làm hiển lộ Bản Tâm thanh tịnh- tâm mà dù trải qua sáu nẻo hay bốn loài vẫn không bị nhiễm ô, vì đó là Trí tuệ hay Tuệ giác của muôn loài chúng sanh. Do vậy, Chân Tâm được định nghĩa gồm 3 ý sau: “ Vì tâm thanh tịnh như vàng nguyệt nên 1- Tự thể trong sạch vì lìa bợn nhơ tham nhiễm. 2- Mát mẻ vì lìa tham sân si. 3- Sáng suốt vì lìa sự tối tăm ”. Cho nên, quán tâm để nhận rõ "đâu là khách, đâu là chủ" và phải làm sáng tỏ ngọn đèn Trí tuệ này. Bằng cách nào?

Trong Mật giáo hay Kim cang bộ, người hành giả cần dùng Tam nghiệp để cúng dường Phật tâm như thân, khẩu, ý. Thân nghiệp thì ngồi an tĩnh, tay bắt Aán. Khẩu nghiệp thì tụng chân ngôn. Ý nghiệp thì quán tưởng hình ảnh Bản tôn hay Chúng tự để vào Định. Bởi vì thân khẩu ý là môi trường tạo tác ra nghiệp. Do nhờ Tam lực như 1- Ngã công đức lực do công đức giữ gìn giới hạnh 2- Như Lai gia trì lực làm cho thêm kiên cố 3- Pháp giới lực của mười phương ba đời chư Phật hộ trì. Người hành giả lần vào trong chiều sâu của nội Tâm. Mọi vọng động đều tĩnh lặng, mọi giả tướng đều tan biến, kiến tư hoặc trở thành vô nghĩa và những tác động của ngũ trần không còn hấp

lực. Cho nên, khi Tam mật tương ứng tức lúc đó hành giả đang cúng dường Đức Phật của chính mình và trú ngụ đồng với chư Phật. Cũng có thể nói, hành giả trở về với công đức Pháp thân của mình.

Do đó, trong Ngũ Chủng Tu pháp, Kim cang bộ thuộc pháp Tăng ích (Vathikarana), vì trong Pháp thân hành giả có đầy đủ muôn hạnh muôn đức, phước báu, trí tuệ. Đó là viên ngọc Như ý Ma-ni và cũng là hạnh của bố thí ba-la-mật. Pháp Tăng ích đưa đến Bồ thí, chứ không đề cao bản ngã; đó là nét đặc thù của Mật giáo hay Kim cang bộ. Tại sao như vậy? Tăng ích do nhờ nhiếp phục ngoại cảnh và điều phục tâm: Cảnh thì giả hợp, duyên sanh, không thật. Tâm thì thanh tịnh vì các niệm phân biệt đều tan biến trong biển Giác. Tăng ích tạo thành hai món tư lương trên bước đường đến quả Phật, đó là Phước và Trí. Do đó, vì Tánh giác nhìn rõ thực tướng của muôn loài, tâm Tăng ích (Tâm từ bi) từ đây sanh do vì thương xót sự đau khổ trầm luân của chúng sanh, nên cần ban vui cứu khổ từ tư lương Tăng ích. Trong Tam cú pháp môn nói: “ Tâm Bồ-đề là chân, Đại bi là căn bản, Phương tiện làm cứu cánh tương ứng với Thắng nghĩa môn, Hạnh nguyện môn và Tam ma địa môn”. Nhưng nếu chỉ có Tâm Bồ-đề lại không chịu tiến bước, có nguyện mà không hạnh, thì làm sao thành tựu được thân Kim cang. Cho nên, từ gốc lấy Bồ đề làm tâm, quán thấy các pháp đều không tự tánh, dứt trừ vọng niệm, từ nơi Chân thật tánh khởi ra diệu dụng, muốn muôn loài đều đầy đủ. Cho nên, hạnh nguyện của Tâm Bồ-đề là những Sở hành và Đại nguyện của tâm này. Đó là hình ảnh Bồ tát Phổ Hiền với viên Châu Ma-ni Như ý.

Chày Kim cang cũng cùng ý nghĩa này. Chúng ta có thể thấy chày Kim cang một chia (Như Lai Đại Nhật), năm chia (Ngũ trí Như Lai hay năm Trí đức) gồm bốn chia chung quanh là bốn Như Lai và chia giữa là Như Lai Đại Nhật. Chia ở giữa là quan trọng nhất, vì tượng trưng cho Chân Tánh hay Trí Tuệ Bất nhã mà người hành giả đắc nhập để an lạc và Bất Động giữa biển thức đầy xao động hay ngũ uẩn lăng xăng. Đó là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Tất cả đều do tâm phát khởi, cũng như đất mà tất cả muôn vật đều nhờ đó phát sinh. Tất cả ấn chú, linh phù, quán tưởng hay các mandala đều do tâm xuất hiện. Có nắm bắt được Tánh không thì mới nhận ra được sự duyên sanh duyên hợp, sự vô thường của mọi hiện tượng, mới nghiên cứu được triết lý Mật giáo vì nó vượt qua mọi suy luận, lý luận, tư duy thường tình. Nếu không, Mật giáo sẽ bị hiểu lầm là tất cả những gì nó biểu hiện như pháp thuật, bùa chú, cầu đảo v.v...mà đã có nhiều người lầm tưởng. Cũng có nhiều hành giả, sau thời gian hành trì chân ngôn, chợt thấy nhiều linh cảnh hiện ra như ánh lửa sáng, làn khói xẹt, chày kim cang bay bổng lên, thấy mặc áo

trắng, thấy Bốn tôn xuất hiện v.v.. và tự cho là chứng đắc, vì đã có ấn chứng và thủ chấp những hiện tượng đó, mà quên rằng những hiện tượng linh diệu đó đều xuất phát từ tâm khi "ché tâm nhất xứ" bước vào đất thanh tịnh. Nhưng tu lâu dài, và thâm hiểu Kim cang bộ thì tất cả những hình ảnh đó đều biến mất. Xin đừng sợ hãi hay lo lắng mà lui sụt tâm tinh tấn và tâm bồ đề. Theo Thiên sư Nhất Hạnh: "Trước cần khởi tướng, tướng được hiện tiền, nhiên hậu lấy Bát-nhã soi mà thấy nó không thật, tức được bất tư nghị đại dụng". Và trong Luận Đại thừa khởi tín nói: "Đương niệm duy tâm, cảnh giới tức diệt". Phải biết rằng tất cả những nhân tố hợp lại như trên đều rỗng không, chỉ tạm đặt tên, nên chúng không có tự tánh, vì thế không thật hoặc vô trụ, vì tùy duyên mà hiện khởi. Vì quán thấy rõ tự tánh của các Pháp trong tam giới là không, nên Ngã cũng không, Pháp cũng không và cả hai Ngã Pháp đều rỗng không (Câu không), hành giả tức thì trở về với Bốn tâm thanh tịnh của mình, trụ Vô sở đắc pháp.

Trong kinh Vô Lượng Thọ có nói: " Chư Bồ tát ở cõi Cực Lạc của Đức Phật A-di-đà quán niệm thấy tam giới đều như nhau, trống không, không có gì hết". Còn riêng trong Luận Đại Trí Độ của Ngài Long Thọ, phần thứ 20 nói: "Tất cả các pháp đều do nhân duyên sanh ra, tức không có tự tánh. Đã không có tự tánh tức là Không. Hễ minh nhận ra Không thì các sở kiến đều tiêu diệt". Cũng như trong Phạm Nhân duyên sanh của bộ Trung quán luận, Ngài còn nói: "Các pháp không tự sanh. Cũng không từ cái khác sanh. Không cộng sanh cùng không phải không sanh. Cho nên biết đó là vô sanh ". (Chư pháp bất tự sanh. Diệc bất tùng tha sanh. Bất cộng bất vô sanh. Thị cố tri vô sanh). Cái tư tưởng Chân Không Bát nhã này phát triển mạnh trong tư tưởng Long Thọ, nhằm phá bỏ sự chấp trước sai lầm- những điều mà Đức Phật khi tại thế thường khuyên bảo đệ tử phải tránh xa. Tư tưởng của Ngài đã thấm nhuần và tạo thành cái lý luận thuần nhất, phong phú và nòng cốt trong Mật giáo, nhất là Bộ Kim cang- Bộ nhấn mạnh vào Chân đế hay Trí tuệ Bát nhã. Tư tưởng này cho rằng các Pháp do nhân duyên kết hợp mà thành, tự nó không thể sanh. Nhưng nó cũng không phải từ cái khác sanh vì tự nó đã không sanh, làm sao do cái khác sanh. Hiện tượng các pháp sanh thành tự và tăng trưởng không ngoài bốn duyên, đó là: 1- Nhân duyên: Mọi vật thành hình đều do nhiều yếu tố kết hợp. 2- Thứ đệ duyên: Mọi sự xuất hiện đều có những trợ duyên liên hệ. 3- Sở duyên duyên: Những trợ duyên này giúp những duyên kia, liên kết nhau. 4- Tăng thượng duyên: Nhiều nguyên nhân, duyên thúc đẩy ngày càng nhiều, làm cho duyên tăng trưởng lên thành hiện hữu. "Trên mặt tương đối, thì vạn hữu dị biệt có sanh khởi có tăng trưởng, có thành hoại, tụ tán, đó là lý nhân duyên vô thường biến động (Anicca). Nhưng trên mặt tuyệt đối, thì không thấy sự sai biệt của vạn hữu,

vì đồng qui nhất thể chơn không, Nhất thể đó là Chơn như Pháp Tánh (Không Tánh) ”. Từ những quan niệm trên, trong vấn đề gai góc là ngũ âm: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, hay với sáu chủng như: Đất, nước, gió, lửa, hư không, thức, hoặc sự sanh, trụ, hoại, diệt, các tác nghiệp v.v...cũng được đặt ra những đả phá tương tự. Ví dụ: Tìm nguyên nhân của một pháp hay các pháp, không có một nguyên nhân nào gọi là nguyên nhân nhất định, cứu cánh. “Nhược ly ư sắc nhân. Sắc tác bất khả đắc. Nhược đương ly ư sắc. Sắc nhân bất khả đắc = Nếu lià xa nhân của sắc. Thời sắc pháp không thể có. Nếu hiện lià bỏ sắc pháp. Thời nhân của sắc không có “.

Tổ Long Thọ là một con người chứng đắc được Tánh không, thấu suốt tận nguồn cội của Tâm, nhưng vì thương xót những chấp chướng của những người đang bước trên đường đến giải thoát, dù ở bất cứ thời đại hay quốc thổ nào và muốn họ thoát ra khỏi những mây mù tri kiến này. Cho nên, với những lý luận sắc bén- thể hiện một nội tâm tự tại, từ bi, an lạc- Ngài rất triệt để đả phá đến tận căn nguồn, để không còn gì bám víu, nơi đó mới hiển lộ được Chân Tánh.

Phân tích tư tưởng Tánh không trong Kim cang bộ thật là khôi hài, nếu không có thấu rõ tường tận. Vì một bên là phá chấp toàn triệt, đây người hành giả trong một vùng hoang vu, không có một cái gì gọi là có, dù chỉ là tên gọi. Ánh sáng Vô lượng quang phải là ánh sáng không cùng cực, chiếu rọi từng những hạt nhỏ vi vi trần, mới soi tỏ rõ muôn vật không có tự tánh riêng biệt. Còn một bên là - Kim cang bộ, sử dụng tối đa tất cả cái hữu như vào trong cái bẫy thiên la đại võng, mỗi thoáng, mọi cử động, ngay cả sự dậy khởi vi tế của một tâm thức thì đã là vướng mắc. Dù thế, nếu hiểu rõ thì Kim cang bộ chính là cái tư tưởng Chân không ở trên, để mở xẻ sự vật ra hầu đem đến cái nhìn tường tận về cái không, cái vô ngã hay tự tánh vô tánh (Nihsvabhava) của nó, hoặc tất cả muôn Pháp đều do thức biến hiện để đả phá triệt để những sai lầm, thiên chấp. Để năm căn không chạy theo năm trần, phương pháp trì chú là sự thôi thúc tâm lại, không cho duyên ra ngoài, để từ từ đi đến giải quyết vấn đề Vô ngã. Dùng cái tướng như Quán tướng, để lôi kéo những pháp hợp lại thành một thực thể, nhưng thực thể đó lại do nhiều nhân tố hợp thành, nên không tự tánh riêng biệt, biến chuyển vô thường, sanh diệt để giải quyết vấn đề Pháp duyên sanh.

Khi đã thể nhập được Không tánh, thì hành giả đã có cái nhìn hoàn toàn khác hẳn về các pháp, dù nó vẫn mang những hình sắc như trước. Cái nhìn đó thấu rõ được tận nguồn gốc duyên hợp, thực tánh của vũ trụ vạn hữu hay thấy "như thực tướng, như thực tánh" và tùy duyên hóa độ chúng sanh, vì

không còn có gì ngăn trở bước chân của người hành giả. Do đó, trong phẩm Pháp Định thứ hai mươi bảy của kinh Hoa Nghiêm viết: "Chư Phật tử! Đại tam muội này thể tánh bình đẳng không phân biệt, có thể làm cho Bồ-tát biết bất khả thuyết bất khả thuyết trăm ngàn ức na do tha tướng sai khác và khi đã rõ biết như vậy, liền khiến chúng sanh được mười thứ bất không. Đây là mười:

1- Kiến bất không, vì làm cho chúng sanh

phát sanh thiện căn. 2- Văn bất không, vì làm cho chúng sanh được thành thực. 3- Đồng trụ bất không, vì làm cho chúng sanh tâm điều phục. 4- Phát khởi bất không, vì làm cho chúng sanh làm đúng như lời, thông đạt tất cả các nghĩa. 5- Hạnh bất không, vì làm cho vô biên thế giới đều thanh tịnh. 6- Thân cận bất không, vì ở chỗ bất khả thuyết chư Phật, làm dứt nghi ngờ cho bất khả thuyết chúng sanh. 7- Nguyện bất không, vì theo sở niệm của chúng sanh khiến làm việc cúng dường thù thắng, thành tựu các nguyện. 8- Thiện xảo pháp bất không, vì làm cho đều được trụ nơi trí thanh tịnh giải thoát vô ngại. 9- Mưa pháp vũ bất không, vì nơi bất khả thuyết căn tánh chúng sanh, phương tiện khai thị hạnh nhất thiết trí khiến trụ Phật đạo. 10- Xuất hiện bất không, vì hiện vô biên tướng, làm cho tất cả chúng sanh đều được soi sáng."

Chúng tự đã xuất hiện trong giai đoạn này. Vì là thể tánh của chân ngôn, nên mỗi chủng tự thấy riêng biệt nhưng lại dung chứa chung tất cả. Chủng tự lại là biểu hiện hay tiếng nói im lặng của Chân Tâm. Do đó, quán tưởng và chứng đắc chủng tự tức nhảy thẳng vào trong Tánh giác, phá bỏ hàng rào Năng Sở, Bị Thử, Có Không...tịch nhiên trong cõi hư không bao la vô tận của Tâm.

Kim cương bộ biểu lộ bằng chủng tự là Hùm

() vì chủng tự này tổng nhiếp tất cả chân ngôn, bao gồm Ba môn giải thoát như :1- Không giải thoát môn. 2-Vô tướng giải thoát môn. 3- Vô nguyện giải thoát môn. Hùm tự nơi quả tim, ánh sáng màu xanh, bao gồm cả Từ và Bi. Chữ Hùm tức Pháp thân, và Báo thân (A) và Hóa thân (Om) từ đó ra, làm thành Ba thân.

Chủng tự là Om- Ah Hum ().

bao gồm:

- Om () là Đức Trí của thân hay Kim cang thân nghiệp và là khởi nguyên của vũ trụ vạn hữu hay Phật Tỳ-lô-giá-na, tượng trưng cho Hóa thân, là Kim cang thân nghiệp.

- A () .Trong những đợt sóng sanh tử luân hồi, khi tiếng khóc của bé sơ sanh ra đời, chào đón cuộc đời mới bằng chữ A. Khi vừa sanh ra là chúng ta đã đang bước đi lần vào cửa tử, để nói lên cuộc đời là vô thường, biến đổi. Chữ A cũng có nghĩa là bất, vô, phi. Cho nên, trong A tự quán có tác dụng: 1- Vì vốn không sanh, nên dứt tai ương. 2- Vì vốn không sanh, nên đầy đủ tất cả công đức, làm tăng ích. 3- Vì vốn không sanh, nên tất cả tội đều không thật, tạo hàng phục. 4- Vì vốn không sanh, nên các pháp đều không sanh, khiến nhiếp triệu. Cho nên, chữ A là Như Lai Vô Lượng Thọ, tức Báo thân, thuộc Kim cang ngũ nghiệp

- Hùm () : Vì chữ Hùm tổng nhiếp Kim cang bộ, nên đó là Trí tuệ Bát nhã, thấu rõ các pháp và từ chúng tự này xuất sanh tất cả vạn hữu từ cõi sắc đến Vô sắc cho đến chư Bồ tát, chư Phật. Vì thế, nên Hùm là Như Lai Bất Động, tức Pháp thân, thuộc Kim cang tâm nghiệp. Do đó, khi nhập vào chúng tự Hùm tức nhập vào Trí tuệ Ba-la-mật, tức hiện chứng bồ-đề, tức đắc Vô sanh tam muội, vì Trí tuệ Kim cang này là vô đẳng, vô thủ, vô trước, vô trụ, vô biểu tượng, tức là hư không bình đẳng tất cả trí vô sở đắc.

Trong Đàn (Mandala) của Kim cang bộ được phân bố như sau:

- Trung ương : Như Lai Đại Nhật.
- Đông phương : Như Lai A-súc
- Nam phương : Như Lai Bảo sanh
- Bắc phương : Như Lai Bất Không Thành Tựu
- Tây phương : Như Lai Vô Lượng Thọ

Kim cang bộ lấy Hàng Tam Thế Tôn làm Giáo lệnh luân thân vì Chư Phật và Bồ tát vẫn thường dùng 2 thân như Chánh pháp luân thân với hình tướng đầy đủ đức tướng trang nghiêm, từ bi hòa nhã. Nhưng nếu vì lợi ích chúng sanh hay vì giữ gìn chánh pháp, lại hiện thân Giáo lệnh luân thân với hình dáng phần nộ, kinh sợ v.v... để hàng phục các ma oán làm chướng ngại. Kinh còn nói Hàng tam thế minh vương là hóa thân của Phật A-súc-bệ,

khiến trừ nội ngoại ma, chặt đứt phiền não tam độc và có sức gió thổi dẹp các chướng. Tất cả các phiền não, nghiệp chướng này đều xuất phát từ Tâm, cho nên Phật A-súc-bệ dùng Xúc-địa-ấn tay buông thông xuống chạm đất, đại địa đều rung động để nói lên ý nghĩa ánh sáng của Trí tuệ rọi chiếu vào vọng tâm, thì bao nhiêu nghiệp thức đó đều tan biến tựa như bị hàng phục và nhiếp hóa, đó là Vô chướng ngại pháp giới tâm. Và cũng bởi vì Chân tâm không ngoài vọng tâm, nên hành giả tu Kim cang bộ thường dùng sức quán tâm thành vàng trắng tròn sáng làm cho tâm cảnh sáng suốt. Trong tâm hành giả tượng hình như trái tim tám cánh dụ như tám thức ứng với tám vị Phật ở tám phương. Khi Thức trở thành Trí thì toàn thể là Vô cấu Tịnh thức, và tâm cảnh sáng suốt, không loạn, nên tượng hình như hoa sen nhiếp trì chày Kim cang

Mật giáo cũng như các tông phái khác trong đạo Phật, nhưng lại đưa ra nhiều phương tiện thiện xảo để tùy căn cơ chúng sanh mà độ hay hướng dẫn giải thoát. như " Trước dùng dục câu dắt, sau dùng trí để độ". Đó là lý do tại sao trong Mật giáo có biết bao nhiêu là câu chân ngôn đáp ứng nhu cầu của con người như chú cầu Vãng sanh, chú cầu Tài bảo, quan chức, cầu con, cầu trí tuệ, cầu thần thông...Tất cả chẳng qua vì bi nguyện hay tình thương rộng lớn bao la, chẳng thể nhìn thấy sự đau khổ bức thiết của con người mà làm ngơ được. Phải chăng đây cũng chính là hình ảnh của Bồ tát Quán thế âm biến ra bao nhiêu là thân hình để độ chúng sanh.

Tuy nhiên, đến với Mật giáo sau khi đã tắm mình trong Hiền giáo. đừng nghĩ rằng phải là những câu chú như là Nhất tự (Brum), Lục tự (Om mani padme hùm), Bát tự (Om-ahvira hùm khatalah).. mới là chân ngôn, nhưng khi một người đã đạt được sự giác ngộ hay chứng đắc Kim cang giới, thì những lời nói, việc làm của họ theo định lực xuất phát từ tâm thanh tịnh, chuyên chờ hạnh lành, vô chấp, vô nhiễm...sẽ trở thành chân ngôn, vì lợi ích chúng sanh. Phải hiểu Mật giáo như vậy, chúng ta mới thấy rõ tại sao lại phân chia thành năm Bộ để ứng với căn cơ của chúng sanh mà khai ngộ và hóa độ.

Dĩ nhiên, không phải nói hoài về Tánh không là hiểu và thâm nhập được Tánh không. Đó là một kinh nghiệm thực chứng, càng đi sâu vào tâm thì nhận thức được bản thể hay hư không vô tận của muôn vật hay mọi tâm pháp. Đó là đoạn đường đi thật đơn giản nhưng lại vô cùng thâm sâu như đã nói rõ ràng trong Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một: "Lúc bấy giờ Bồ tát Trí Tuệ hỏi Bồ tát Văn-thù-sư-lợi rằng: Bồ tát làm thế nào được thân ngữ ý không lỗi lầm, không tổn hại, không hữu hoại, không dao

động, được bất thoái chuyển, được vô nhiễm, thanh tịnh? Bồ tát làm thế nào để mình là chỗ y tựa, cứu độ, chỗ về, chỗ đến, là đuốc, là sáng, là soi, là dẫn đạo, thẳng đạo, phổ đạo cho tất cả chúng sanh?

Bồ tát Văn-thù-sư-lợi trả lời rằng: " Nếu Bồ tát khéo dụng tâm, thời được tất cả công đức thắng diệu, nơi Phật pháp được tâm vô ngại, trụ nơi đạo của tam thế chư Phật, nương theo chúng sanh thường không bỏ rời, thông đạt các pháp tướng, dứt các điều ác, đầy đủ hạnh lành, sẽ được hình sắc như Bồ tát Phổ Hiền, đầy đủ các hạnh, được tự tại. Do đó, nên dụng tâm rằng:

- Ở nhà, nên nguyện chúng sanh biết nhà tánh, không khởi sự bức ngặt.
- Hiếu thờ cha mẹ, nên nguyện chúng sanh kính thờ chư Phật, hộ dưỡng tất cả.
- Nếu được ngũ dục, nên nguyện chúng sanh nhỏ mũi tên dục. rất ráo an ổn.
- Nếu có bố thí, nên nguyện chúng sanh bỏ được tất cả, lòng không ái trước v.v..".

Tất cả những lời nguyện này được thực hành ở

trong Thiền môn như Tỳ-ni nhật dụng, trong mọi nơi chốn, chỗ sạch cũng như chỗ dơ và trong các oai nghi như đi, đứng, nằm, ngồi (hành trụ, toạ, ngoạ). Không phải chỉ có bấy nhiêu kệ thôi, nhưng còn rất nhiều, rất nhiều bài kệ khác nhau để thích ứng với mọi tâm thức biến chuyển của con người. Khởi lên vọng tâm như thế nào, thì có bài kệ tỉnh giác để cảnh sách thích ứng. Cho nên, nếu tâm còn nhiều vọng động, lăng xăng duyên theo ngoại cảnh hay chạy theo sáu trần, thì những bài kệ này giúp hành giả giữ tâm không tán loạn để nhập vào trong chánh định. Như đã nói trên, tất cả đều do tâm biến hiện. Cho nên, những bài kệ trên chỉ là phương tiện để dẫn dắt tâm, cho đến một lúc nào, tùy theo sức định, một sự đột biến nào đó thức tỉnh tâm hành giả, làm bùng vỡ cả đại địa, vùng trăng Thủy giác từ xa xưa lại hiện về. Cái Tâm đó trống không vì tịnh lặng, không còn mảy may bóng trần, vạn pháp ung dung vui đùa như một trò "Du hý thần thông". Người hành giả hành trì chân ngôn cũng cùng một ý trên. 1- Cần phải khởi Phát tâm tức sơ phát tâm Bồ-đề để cầu quả Phật. 2- Hành trì bằng tam mật tương ưng để hướng về Phật đạo. 3- Chứng Bồ-đề do nhân hướng giải thoát, nên đạt quả

đức. 4- Đắc Tất địa do quả hưởng được và 5- Sức Đại nguyện tức đem phương tiện cứu cánh viên mãn của bốn đức trên mà làm lợi ích chúng sanh. Đặt nền tảng trên Năm căn bản đức ở trên, người hành giả khéo thôi thúc cái tâm để duyên theo một Thần chú, miên mật để nhờ sự gia - trì của Bồn tôn từ tâm hiện ra, làm dứt mọi vọng niệm và làm hiển lộ Trí giác Kim cang của mình. Đây là một hành trạng của một cùng tử trở về nhận lại gia tài từ người cha thân yêu. Nhận lại, có nghĩa là gia tài đó của mình mà mình đã để quên lâu ngày trong góc nào đó, nay vì thâm thía sự đau khổ, trầm luân của kiếp người, mà nhớ tìm lại.

Chúng ta lại đi đến một vấn đề là: Nếu nói đạo Phật là con đường đưa đến Giác ngộ. Câu hỏi đặt ra là:ø Giác ngộ cho ai? Điều đó, muốn nói đến con người, dù trên Lý vẫn nói.” Tình dữ vô tình, đồng thành Phật đạo”, nhưng con người là cao cả nhất. Tất cả kinh điển của đạo Phật được gọi là " Chư Pháp Thắng Nghĩa = Paramartha) đều vì mục đích duy nhất là " Chi đường cho con người đạt đến hoàn toàn giác ngộ " Tuy mỗi con người đều có tiềm ẩn Chân Tánh kiên cố bất hoại, nhưng vì vọng tâm tạo thành chấp thủ, kiến thủ quyện nhau và dày lên theo nhiều đời nhiều kiếp trong sanh tử luân hồi. Những nội kết này tạo nên mỗi đời người đều có biệt nghiệp trong cái cộng nghiệp của cộng đồng nhân loại, và tạo thành căn cơ hoàn toàn sai biệt. Cho nên, Đức Phật dùng mọi phương tiện để đưa chúng sanh đến bờ Giác. Qua Kim Cang Bộ là điểm xoáy mạnh vào chiều sâu của A-lại-gia thức như thanh gươm báu trí tuệ đốn ngã hết những góc rẽ vọng niệm chắt chứa ở trong và mọi hình thái của nghi quỹ cũng như ấn pháp, linh phù, kiết giới, quán tưởng, phụng thỉnh, sám hối, phụng tụng v.v...cũng chỉ là để thanh lọc thân tâm để nhảy vào biển Tỳ-lô Tánh hải hay Pháp thân. Thâm hiểu và thực hành Kim Cang Bộ là bước đi những bước vào chiều sâu thăm thẳm của Cái Tâm để nhận ra Chân lý hay Cái Không tự tánh của mọi Pháp, mọi Tâm. Cho nên, trong Kim Cang bộ, sự quán tưởng, ngoại nội hộ ma, Ấn pháp, Linh phù... được thành lập vì để đối trị với vọng thức, vọng nghiệp. Có thể là quán tưởng chủng tự LAM () như ngọn lửa đốt cháy từ đỉnh đầu xuống tới chân hành giả biến thành vi trần, tướng thân uế thành thân thanh tịnh. Có thể là quán vị Bồn tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, ban cho hành giả những pháp yếu linh được. Có thể là quán tưởng vị Sứ giả Bất Động hay Đồng tử v.v.. xuất hiện để sai khiến . Từ tư tưởng, từ tâm trở thành hiện thực. Trước vì vọng tâm làm cho sai lạc, thấy giả cho là chân, thấy vô thường cho là thường v.v..Nay, cũng từ vọng niệm đó, thành sự quán tưởng thanh tịnh chuyển hóa vọng niệm thành Chân niệm và từ Chân quán này, hành giả sẽ đắc định. . Nhưng, dù cho sự quán tưởng được thành tựu, đó cũng chỉ là một khối tư tưởng thanh tịnh, trong sáng và cũng cần phải xả bỏ. Nếu không, chúng ta sẽ

roi vào sự chấp thủ khác, dù là thanh tịnh. Cũng như một nhà bác học do tư tưởng nên sáng chế ra những sản phẩm vật chất và sản phẩm này như một thành tựu của tư tưởng. Nhưng, nếu vì coi trọng sản phẩm này và cho là cứu cánh, nhà bác học đó đã đóng khung tư tưởng của mình trong sự hạn hẹp, nhỏ nòi của hiện thực, trong khi thực tại thì rộng bao la vô tận. Cho nên, cứu cánh là đấng Định, từ đó sanh ra Tuệ giác nhìn thấy rõ Đất tâm và giải thoát khỏi vọng chấp, vô minh. Nếu tâm thanh tịnh, không vướng mắc, vạn pháp sai biệt kia đều tiêu tan như bọt sóng trong biển cả, hòa lẫn vào lòng đại dương bao la của Pháp thân.

Kinh Hoa Nghiêm nói:” Tâm người như thợ vẽ, tạo vô số ngũ âm. Tất cả thấy trong thế gian không pháp nào không tạo, ngay cả tâm Phật cũng vậy. Như Phật và chúng sanh, tâm Phật và chúng sanh, đều không sai biệt.” Cho nên, vì còn mê nên gọi là chúng sanh, ngộ là Phật hay ngoài tâm không có chúng sanh hoặc ngoài tâm cũng không có Phật

Con người là chủ nhân của hạnh phúc hay đau khổ của đời mình. Tất cả đều hàm ẩn trong A-lại-gia thức (Tâm địa) và từ nơi đó, đâm chồi nảy nở đều tùy thuộc vọng chấp hay cái tưởng của con người. Chỉ khi nào phiền não hay nghiệp chướng không chỗ đất để sanh trưởng, thì khi đó mới đắc được Tánh không, mới đạt được Tánh trí bình đẳng, và do đó mới thể nhập được Chơn lý bình đẳng. Khi đã trực nhận được Tánh không qua Trí Ấn màu nhiệm của Kim cương bộ, hành giả mới thực sự phát cái tâm này vì lợi ích cho chúng sanh và đi trên đường thăng thang của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác

Tuy nhiên, đây là một lộ trình dài dằng dặc tùy theo tâm niệm và do vì mỗi người đều mang theo bao nhiêu là nghiệp thức, do vô minh sai lầm từ bao nhiêu kiếp. Tất cả đều do lòng tham đắm, yêu thích và bám giữ sanh ra. Ái dục hay Khát ái (Trishnā) thường đi cùng vô minh và nghiệp, vì từ đó sanh ra phiền não, khổ đau. Ái dục được chia làm 3 loại như: 1- Dục ái là sự khát khao thu tiếp không cùng tận 2- Hữu ái do từ dục ái sanh ra, không bao giờ thỏa mãn 3- Vô hữu ái là vì nghĩ rằng chết là hết, nên thường hưởng lạc. Vì ái dục, nên đưa đến tình trạng sống bất an, sợ sệt.

Sự sợ hãi, bất an thường làm cho những bất thiện khởi lên theo mười sáu trường hợp sau đây như trong Kinh Sợ hãi và Khiếp đảm (Bhayabherava Sutra) kể:

1- Thân nghiệp không thanh tịnh. 2- Khẩu nghiệp không thanh tịnh. 3- Ý nghiệp không thanh tịnh. 4- Mạng sống không thanh tịnh. 5- Ái dục và tham dục mãnh liệt. 6- Tâm đầy sân hận và ác ý. 7- Bị chi phối bởi hôn trầm, thụy miên. 8- Tâm thường giao động, không an tịnh. 9- Hay do dự, nghi ngờ. 10- Tự tán hủy tha = khen mình chê người. 11- Run rẩy sợ hãi. 12- Tham đắm lợi danh. 13- Lười biếng, không tinh tấn. 14- Không giữ niệm. 15- Tâm tán loạn. 16- Ngu độn si ám.

Nếu tâm thường vướng mắc, cuu mang như những trường hợp trên, thì dù sống trong rừng sâu, trú xứ xa vắng, trong thành thị hay bất cứ nơi đâu, cũng đều cảm thấy bất an, sợ hãi. Bởi vì chúng ta sợ cái rỗng không, tĩnh lặng, bình dị v.v... nên bằng cách gom góp, vun xới, bồi đắp cho gia tài hiện hữu, nên tâm thường trực tranh đấu, bất an, lo sợ. Làm sao tránh được tâm bất an này? Phải nhận rõ đó chỉ là những bóng trần xuất hiện của tâm thức, rỗng không. Khi tâm thanh tịnh, thì những huyền cảnh kia sẽ diệt như những đợt sóng trào dâng, nay trở lại lặng lẽ hiền hòa trong lòng đại dương bao la.

Kim cang bộ đặt lại vấn đề nhận thức của con người, vì đó là Trí tuệ xuất phát từ Chân tâm hay Tánh Trí Bình Đẳng, đưa mọi người đến và trở thành một con người bình thường trong cuộc đời ô trược này, nhưng siêu thoát, an lạc, vượt lên trên tất cả mọi tâm cảm, xúc cảm bệnh hoạn. Nếu không thoát khỏi những xáo trộn của tâm thức, mặc dù đã hiểu rằng đó chỉ là giả hợp, hay nghiệp chướng hoặc là vọng, thì con người vẫn còn đắm mình trong vòng vị kỷ.

Khi nhận thức được sự đau khổ và sự mong manh giới hạn của kiếp người, khi biết rằng trong chiều sâu của nội tâm, có một cái thường hằng, bất sanh bất diệt hay Phật tánh. Tánh đó thoát ra khỏi mọi nghiệp lực. Chúng ta đến với đạo Phật khi đã nhận chân được điều này và khi đi sâu và tẩm mình trong Hiền giáo, tìm cho mình một Đạo lộ dẫn bước. Người hành giả sau đó, đến với Mật giáo với tâm đại bi- đại nguyện. Không có hai tâm này vì này sanh ra từ trình độ thâm nhập chân tâm, thì người hành giả chỉ lao đầu để ôm từ những ảo tưởng này qua những ảo tưởng khác, dù được khoác lên trên đó là thần thông, pháp thuật hay gì đi nữa, vì đã biến Mật giáo- một tông phái đặt nặng trên thực tu và thực chứng và Tất địa là cứu cánh, thành một trò ảo thuật rẻ tiền. Tất cả chỉ là phù phiếm, rỗng không, chỉ một cơn gió thoảng qua có thể xô đẩy hết tất cả thành trì, dù là vô cùng kiên cố vì được xây đắp lâu đời của thành kiến về ngã chấp.

Cho nên, người hành giả cần phải phát nguyện: “Ngã kim phát tâm bất vị tự cầu nhân thiên phước báu, Thanh văn, Duyên giác nãi chí quyền thừa, chư vị Bồ tát, duy y tối thượng thừa, phát bồ-đề tâm, nguyện dĩ pháp giới chúng sanh nhất thời đồng đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-miệu-tam-bồ-đề”.(Annuttarasàmasambudhi). Chỉ có Vô thượng Chánh đẳng chánh giác hay Tối thượng thừa., đó chính là vị Thượng sư Kim cang cần phải quy y, đạt tới và là niềm đam mê tuyệt vời của người hành giả tu Mật giáo cần phải xả thân chứng đắc và vì lợi ích hoá độ chúng sanh.

Qua sự trình bày ở trên, chúng tôi muốn nói một phần sự hiểu biết nhỏ nhoi của mình về Mật giáo và Kim cang bộ chỉ là một phần của tổng thể tông Bí Mật hay một phần nhánh trong tâm thức của một con người hay một hành giả. Từ Trí tuệ sáng suốt này, làm tâm của hành giả rũ bỏ tất cả những phiền não, nghiệp chướng v.v...những đám mây vô minh tự lâu đời lâu kiếp bao phủ, dù nó không có thực tánh, nhưng vì chấp thủ do ái dục, nên trở thành thực thể- sẽ tan biến đi dưới ánh sáng của Như Lai Đại Nhật. Và tấm kiếng Chân tâm này soi rõ tất cả mười phương thế giới, vô lượng vô biên các cõi vi trần...và nhận rõ tất cả như ràng buộc nhau, trong nhau và có nhau như tinh thần Kinh Hoa Nghiêm “ Cái này có, cái kia có. Cái này không, cái kia không”. Từ nhận thức triệt để này, giáo lý duyên sanh (Patīcasamupāda) giúp nhìn thấu rõ tánh rỗng không hay vô ngã của mọi tâm pháp, người hành giả mới đủ năng lực để vào đời làm lợi ích chúng sanh.

Xã hội càng ngày càng nhiều biến chuyển, nhất là trong thời buổi thông tin thần tốc như hiện nay. Một xã hội sản sinh ra trào lưu xem phương tiện là cứu cánh, chỉ cần ôm thủ cho thật nhiều tiện nghi và quên mất phần tâm linh. Chúng ta sợ hãi, lo lắng, nên cố tạo ra những phần nổi bám vào để vá víu cho cái nội tâm bệnh hoạn, trống vắng. Càng trống vắng, càng thấy cô đơn, bơ vơ dù đang chất chứa nhiều của cải hoặc kiến thức, và càng cô đơn, ta càng có nhiều tưởng tượng và tạo thêm nhiều sản phẩm, tiện nghi để chiếm hữu. Đó là cái hữu ngã được tăng trưởng và tạo thành bởi ái dục, bởi tham sân si. Phải chăng chúng ta đã đầu tư quá nhiều cho sự tiến bộ của kỹ nghệ để tạo ra những tiện nghi vật chất và để rồi bị điều kiện hóa hay tha hóa bởi chúng, vì ta thiếu sót trong việc đầu tư thêm về tinh thần? Xã hội bị kỹ nghệ hóa thiếu phẩm chất tinh thần, tạo nên những xung năng (Pulsion), những sự dồn nén (Repression), những sự căng thẳng tinh thần (Stress), tạo nên những tâm trạng hoang mang, tự lự, khó khăn trong sự sống toàn diện của con người. Nói lên điều đó không có nghĩa là chúng ta chống xã hội, chống sự tiến bộ của nhân loại, nhưng chỉ muốn đặt lại sự quân bình cho sự tiến bộ xã hội. Dù là mang hia thần kỳ mau lẹ, nhưng cũng cần phải đi bằng

đôi hia hoặc bằng hai chân Vật chất lẫn Tinh thần. Con người là một tổng thể hài hòa, quân bình về cả hai phương diện như trên mới đạt được hạnh phúc. Chúng tôi thường đi du lịch hằng năm và đã thăm viếng qua nhiều quốc gia với những nền văn hóa khác nhau. Có những quốc gia kiến tạo những nơi chốn biểu hiện rực rỡ nền văn hóa kỳ diệu như thành phố Venice tại Ý. Cả một thành phố được xây dựng trên mặt biển, với đền đài, giáo đường cao vời vợi, chợ búa, trường học v.v..dù là một công trình hữu hạn so với thời gian dài vô tận, nhưng lại là một tác phẩm nghệ thuật có tầm vóc kỳ vĩ làm cho mọi người đến đó đều cảm thấy choáng ngợp và thán phục trí tuệ, tài năng của con người. Nhưng cũng có những thành phố như Amsterdam ở Holland. Nơi đó, ma túy được sử dụng rộng rãi, hợp pháp. Dọc theo những con đường, sau những tủ kiếng là những cô gái lỏa thể đứng đó để cho mọi người đến mua vui, chọn lựa. Chúng ta sẽ nghĩ gì? Có những nơi, con cái đem cha mẹ ra tòa xử, đòi xin được đổi cha mẹ. Trường học, hay bất cứ nơi đâu cũng không còn là nơi an toàn để sinh sống. Chiến tranh, thù hận, chém giết...vì chủng tộc, vì tôn giáo, vì ý thức hệ vẫn còn đang tiếp diễn. Mọi nấc thang giá trị đạo đức của xã hội bị đảo lộn, càng ngày càng có nhiều người mang đầy những tâm lý biến thái, bệnh hoạn. Bất công vẫn còn đầy dẫy khắp mọi nơi. Vẫn có những người thừa tiền thừa của bên cạnh những con người đói rách, nghèo xác xơ. Vẫn có những con người cô đơn, lạc lõng bên cạnh những đồng loại của mình Đó là những gánh nặng và mối lo của toàn thể con người, vì con người ngày hôm nay là một phần tử của cộng đồng nhân loại. Nếu biểu tượng hàm ẩn tất cả những gì mà nó đang biểu lộ, thì qua những biểu tượng trên, sẽ nói lên được gì về nền văn hóa nhân loại?

Tuy nhiên, tôi cũng đã nhìn thấy biết bao nhiêu là hình ảnh đẹp tuyệt vời, đầy nhân tính của những con người mang đầy sự hy sinh, những con người rất bình dị trong cuộc đời, đã quên mình chỉ vì mục đích giúp tha nhân. Họ có thể là những người mẹ tận tụy, hy sinh cả cuộc đời và chia xẻ gánh nặng với chồng vì gia đình và sự nuôi dưỡng đàn con nên người, Của những người cha với những giọt mồ hôi đổ xuống như những giọt nước mắt vì hạnh phúc, tương lai của mái ấm gia đình. Của những đứa trẻ bán báo hay làm bất cứ nghề gì để kiếm thêm tiền phụ cho bữa ăn của gia đình đang túng thiếu. Của những cặp tình nhân đang yêu nhau tha thiết, dám hy sinh tất cả, ngay đến sinh mạng để đạt được tình yêu và sống bên nhau Của những nhà giáo tận tụy trao truyền kiến thức, đạo đức vì tương lai của những mầm non đất nước. Những nhà văn viết lên những tác phẩm chuyên chở những nội tâm, những trần trở về cuộc đời. về thân phận, về cuộc sống làm sao cho có ích lợi, ý nghĩa v.v..luu truyền lại cho đời. Những nhà viết sử chân chánh viết lại tất cả những gì đúng sai của lịch sử một cách trung thực để làm bài học kinh

nghiệm hữu ích cho các thế hệ mai sau. Những nhà làm thiện nguyện đi đến các làng mạc hẻo lánh, nơi nghèo khó, trại ty nạn hoặc nơi đang có chiến tranh chết chóc v.v.. để săn sóc, an ủi, chia sẻ nỗi đau khổ với đồng loại bằng tất cả sự chân tình. Những nhà làm chính trị tìm các phương kế để làm rạng rỡ dân tộc và làm cho dân chúng được an cư lạc nghiệp v.v..

Còn những người mệnh danh là con Phật, chúng ta sẽ làm gì? Đức Từ phụ Thích Ca Mâu Ni đã bỏ tất cả ngai vàng điện ngọc, tột đỉnh giàu sang, vợ đẹp con khôn... để tìm Con đường hạnh phúc chân chính cho muôn loài chúng sanh. Cuộc đời Ngài là một bức tranh hùng tráng, một bài thơ đẹp dài vô tận mà không có gì có thể diễn tả hết được và Đạo lộ mà Ngài tìm ra, mở rộng thênh thang chung cho tất cả mọi loài hữu tình- không phân biệt màu da, chủng tộc, văn hóa, tôn giáo, quốc gia... nếu muốn đạt Giác ngộ và thành Phật như Ngài. Chúng ta vì lòng cảm khái, tôn kính vô cùng trước hình ảnh Đức Phật và nhận thức rằng mình cũng có Phật tánh, nên đến với đạo Phật và bước chân trên Đạo lộ đó. Đạo Phật nói chung, hay Mật giáo nói riêng, đòi hỏi mỗi người phải thực tu, thực chứng vì đó không phải là tư tưởng triết lý suông, mà là con đường Kiến Tánh thành Phật. Trong phẩm Minh Pháp thứ 16 của Kinh Hoa Nghiêm có nói: " Người thực hiện hạnh Bồ tát nên an trụ bất phóng dật, an trụ vô sanh nhẫn, an trụ đại từ bi, an trụ đầy đủ các môn ba la mật, an trụ đại hạnh, đại nguyện, an trụ xảo phương tiện, an trụ dũng mãnh lực, an trụ trí tuệ quán sát tất cả các pháp đều vô trụ như hư không. Cho nên, Bồ tát phải khéo quán sát tùy nơi mình có tất cả pháp môn, có thậm thâm trí tuệ, tùy nhưn đã tu, tùy quả đã được, tùy cảnh giới hay tùy lực dụng hoặc tùy chỗ thị hiện của mình, tùy mình phân biệt, tùy mình đã được, đều khéo quán sát biết tất cả các pháp đều tự tâm sanh mà không sở trước. Biết được như vậy là vào Bồ-đề địa hay khéo an trụ. Do đó, Bồ tát cần: Một là khéo viên mãn hạnh phước-trí, hai là trang nghiêm đạo ba-la-mật, ba là trí tuệ sáng suốt chẳng tùy tha ngữ, bốn kính thờ thiện hữu luôn không xa lìa, năm thường hành tinh tấn không giải đãi, sáu khéo an trụ Như Lai thần lực, tu không mỗi một các căn lành, tám là thân tâm lợi trí dùng các pháp đại thừa để tư trang nghiêm, chín là đối với các môn của các địa tâm không trụ, mười là đồng một thể tánh với thiện căn phương tiện của ba đời chư Phật. Bởi vậy, phải thường siêng năng tu tập không ngừng nghỉ, không mỗi một và dùng đại công đức mà tư trang nghiêm vào Bồ-tát địa."

Cũng cần nói rõ một lần nữa là đạo Phật rất chú trọng thực tế, đặt nặng trên sự tu chứng bằng những bước chân vững mạnh trên nền đất của Tâm. Chúng ta có thể mang nhiều bằng cấp, nhiều kiến thức với sở học uyên thâm hoặc hiểu nhiều kinh sách cùng các lý giải v.v.. nhưng nếu trong nội tâm vẫn

còn đầy đầy sự tham chấp, ích kỷ hoặc hỷ nộ ái ố vô chừng, thì chúng ta chưa thấm nhuần được giáo lý thâm sâu của Đức Phật hay là chưa dẫm chân được trên lộ trình của Kim cang giới. Có một ngày tại chùa Thiên Tịnh ở Thủ Thiêm, Thủ đức- nơi Thầy Thích Viên Đức hoằng truyền Mật giáo lúc còn sanh tiền. H.T. Thích Phước Trí (tức Thầy Bồn sư của Thầy Viên Đức) có kể chúng tôi nghe một câu chuyện sau: " Có một vị Tăng vì đang thời kỳ tu học, bỗng phát nguyện lớn muốn độ khắp cả chúng sanh vì quán thấy sự khổ đau của kiếp nhân sanh. Nên, người lên trình với Thầy mình với ý tưởng như vậy và cầu xin Thầy truyền cho Pháp nào có thể mau biết được Tha tâm thông để ông biết tâm niệm của mọi người mà dễ hóa độ. Vị Thầy nhiều lần khuyên can đệ tử nhưng vị này vẫn quyết tâm như vậy. Vì lòng thương và vì muốn dạy cho đệ tử hiểu được giáo pháp thực sự của đức Phật, nên vị Thầy đồng ý truyền Bí pháp đó. Sau nhiều tháng chí thành hành trì, vị Tăng đã đạt được pháp thuật Tha tâm thông tức hiểu biết tâm của mọi người. Nhưng, cũng từ đó vị Tăng bỗng cảm thấy tự mình đau khổ và rối bời tâm trí, vì khi gặp người nào và đọc tâm niệm của họ, ông đâm ra sợ hãi vì những ý tưởng của họ- dù được mang danh dưới hình thức nào- người hiền hay kẻ ác. Rốt cuộc, chưa độ được ai, nhưng vị Tăng lại chạy đến Thầy mình và cầu xin được cứu độ. Vị Thầy nói rằng: Nếu Tâm con chưa an tịnh, còn đầy phiền não, ái dục, tham sân si, thì dù con có đạt được thần thông nào đi nữa, con vẫn bị đau khổ và luân hồi vì chính những gì con có."

Cho nên, tùy theo trình độ tu chứng, từng cánh hoa sen của Tâm thức sẽ nở, cho đến lúc bùng vỡ để biểu lộ cái Chân Không trong mọi Tâm Vật: Đó là Hoa khai Kiến Phật. Chúng ta mới cảm thấy lòng Bi Nguyện tràn ngập trong cả thân tâm. Bấy giờ, trước sự đau khổ vì vô minh, vì hận thù, vì kiến chấp... của chúng sanh, người hành giả không thể nói: Tôi phải làm, tôi cần làm, tôi muốn làm vì này vì nọ... mà người hành giả chỉ làm vì một sự thật đơn giản: Sự đau khổ hay hạnh phúc của kẻ khác chính là hạnh phúc hay đau khổ của chính mình, và hơn nữa, đó là những vị Phật tương lai cần phải kính trọng, phụng sự. Là những nhà văn hóa tâm linh, tự chúng ta phải thể nhập được Kim cang giới, bởi vì Kim cang giới là Trí tuệ Bát-nhã, xuất phát từ sự thực hành Sáu độ Ba-la-mật (Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ). Cho nên, như đã nói ở trên, Mật giáo thường đòi hỏi người hành giả phải có Đại bi và Đại nguyện, nếu không sẽ bị kẹt luẩn quẩn trong những pháp thuật thần thông, nói gì đến cứu độ kẻ khác. Cặp phạm trù này là điểm tuyệt diệu huyền bí do thể nhập Kim cang giới. Điều đó cũng có nghĩa bước chân người hành giả phải song hành bằng Phước và Trí để trang nghiêm thân và là mật nhũ tưới tắm Tâm từng mỗi sát na. Phải có tích sản Tâm linh, chúng ta mới có đầy đủ chất liệu an lạc, hạnh phúc từ nội tâm đem đến cho

đòi, nếu không, chúng ta sẽ bị “vong thân hay chấp trước, rồi chìm đắm” trong những việc làm của chúng ta.

Trong Ngũ Phật Kiết ma ấn, Đức Phật A-súc-bệ dùng Xúc-địa ấn, tay phải buông thông xuống đụng đất như nói lên ý phải tiếp xúc thẳng vào Bản thể Thanh tịnh này thì chất liệu của Phật tâm hay giải thoát mới lan tràn và hòa nhập cùng hành giả thành một thể và đồng thời mở rộng tâm bồ-đề kiên cố và sống hoà với Đất Tâm này (Xúc địa) vì tất cả Thánh-phàm, thiện ác, phiền não-Niết bàn v.v. cũng đều từ đây ra. Cho nên, giải thoát hay thành Phật cũng phải từ cõi đất Ta-bà ô trược này. Đức Phật A-súc-bệ (Aksobhya) là Chủ Bộ của Kim cang bộ tức Như Lai Bất Động. Hiện diện giữa cuộc đời này, Ngài Bất động (chẳng động) Vô động (không động), Vô nộ (không giận), Vô sân nhuế (không hờn tức) và chuyển cuộc đời này thành quốc độ Hoan hỷ Người hành giả theo bước chân Ngài, qua Kim cang bộ, phải thể nhập hạnh đức của Ngài làm Diệu sắc thân của mình, để có cái nhìn thấu suốt bản chất của các hiện tượng tâm và vật, để từ đó nhận rõ ràng các yếu tố của tâm như bát phong hay những phiền toái của cuộc đời, tâm thiện hay tâm bất thiện v.v... chỉ là phân bón thêm cho gốc rễ giải thoát của mình, đó được gọi là Đối trị Tất đàn. Nhờ vậy, mới giải quyết được tận căn nguyên, gốc rễ của khổ đau, những nhân tố làm nên khổ đau và các ảo tưởng sai lầm chấp ngã, mới đầy đủ duyên tố kiến tạo được cho mình và người một dòng sinh mạng kỳ diệu, để cuộc đời được an lạc, hạnh phúc thực sự.

Trong Ngũ trí sở sanh, thì Thân nghiệp của Đại viên cảnh trí Chủ bộ truyền thừa của Bộ Kim cang lại là Ngài Bồ tát Phổ Hiền, điều đó nói lên sự ứng thân đem đại nguyện- sau khi thâm nhập Kim cang giới tức Trí tuệ Ba-la-mật- để phụng sự cuộc đời, và nỗ lực hướng dẫn con người đến Chân Hạnh Phúc. Như đã nói, Đại Hạnh (Đại Bi) và Đại Trí (Đại nguyện) là lý tưởng tinh thần của người hành giả Mật giáo hay Bộ Kim cang.

Để kết luận cho bài Tiểu luận Kim cang bộ hay Tánh không trong Mật giáo này, chúng tôi xin đón nhận mọi sự phê bình hay góp ý về những gì đã được trình bày ở trên. Vì căn cơ kém cỏi, hơn nữa đối với sự huyền diệu, thâm sâu, bao la của giáo pháp Đức Phật nói chung, của Mật giáo nói riêng, sự hiểu biết của tôi chỉ hạn hẹp như hạt cát so với số cát của sông Hồng. Tuy nhiên, vì lòng tin tưởng, hâm mộ và có duyên với Tông phái Bí Mật này, tôi mạo muội viết ra những gì mình nhận thức được. Cầu xin cho Trí tuệ sắc bén như Kim cang này được khai triển sáng rực rỡ trong tâm của mọi người, ở khắp mọi nơi. Trong cuộc sống của con người, bấy lâu nay chúng ta đã chấp Tự ngã như một sự hiện hữu thực sự và để rồi tham chấp nó và quên

rằng Tự ngã chỉ là một dòng sóng ý niệm của Sắc (thuộc phần vật chất) và Danh tức là Tâm (thuộc phần tinh thần như thọ, tưởng, hành, thức). Cố gắng để đạt được nhận thức Tự ngã chỉ là duyên sanh duyên hợp, là một chặng đường rất gay go, đòi hỏi phải nhẫn nhục, phải tinh tấn, phải bố thí, phải trì giới, phải thiền định. Đề từ đó, ánh đèn trí tuệ của Kim cang bộ mới tỏ hiện, tất cả mọi người mới thực sự nhận rõ được chân tướng Vô thường, Khổ, Không Vô ngã của mọi vạn pháp, nên đồng đem tấm lòng chung sống, đối với và chia sẻ nhau trong tinh thần Kim cang giới.

Ngoài ra, tôi cũng xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi đến những vị Thầy, những bậc thức giả, học giả v.v..đã có những tác phẩm tuyệt diệu mà qua đó, tôi đã đọc lấy ý tưởng, cắt xén hay trích đoạn ...để soạn thành tập Tiểu luận nhỏ bé này.

Xin trân trọng cảm ơn.

Viết xong ngày 12.05.2001

kỷ niệm ngày đưa con gái tôi

Nguyễn Hà Bảo Vương

tốt nghiệp Đại học University of Louisiana

at Monroe, Louisiana . USA

Viết tại thất Thanh Minh,

thành phố Monroe. Louisiana.

---o0o---

NHỮNG SÁCH THAM KHẢO

- Thiên luận của Thiền sư Daisetz Teitōro Susuki. Dịch giả Tuệ Sỹ, 1970.

- Khảo nghiệm Duy thức học. Soạn giả H.T. Thích Thắng Hoan, 1992.

- Trung quán Luận của Nagarjuna. Biên dịch & Giải thích: H.T. Thích Quảng Liên, 1994.
- Đại thừa Phật giáo Tư tưởng luận của Kimutra Taiken. Dịch giả H.T. Thích Quảng Độ, 1969.
- Kinh Tô-tát-địa. Dịch giả Thầy Thích Viên Đức.
- Pháp hoa Huyền nghĩa do Chánh Trí Mai thọ Truyền. Ấn quán sao Mai 1964.
- Kinh Đại thừa Bản sinh Tâm địa quán. Dịch giả H.T. Thích Thanh Cát, 1989.
- Nagarjuna's Letter. Translated by Geshe Lobsang Tharchin & Artemus B. Engle, 1979.
- Kinh Uế Tích Kim cang. Dịch giả Thầy Thích Viên Đức, 1974.
- Hiền Mật Viên thông thành Phật Tâm yếu. Dịch giả Thầy Thích Viên Đức, 1972.
- Shingon- Japanese Esoteric Buddhism. Tác giả Taiko Yamasaki, 1988.
- A manual of Ritual Fire Offerings. Tác giả Sharpa Tulku & Michael Perrott, 1988.
- Kinh Kim Quang Minh. Dịch giả H.T. Thích Thiện Trì, Pl 2515.
- Trung Luận. Dịch giả Sư cô Thích nữ Chân Hiền, 1974.
- Kinh Hoa Nghiêm. Dịch giả H.T. Thích Trí Tịnh, Pl. 2510.
- Kinh Diệu Pháp Liên Hoa giảng lục. Thái Hư Đại sư giảng. Dịch giả H.T. Thích Trí Nghiêm, 1970.
- Kinh Tô bà hô Đồng tư. Dịch giả Thầy Thích

Quảng Trí, 1982.

- Triết học về Tánh không. Khảo luận: Tuệ Sỹ

1970.

- Lược sử Phật giáo Ấn độ. Biên soạn Thầy

Thích Thanh Kiểm, Pl 2523.

- Phật học Từ điển của Cư sĩ Đoàn trung Còn,

1963.

- Từ điển Phật học Hán Việt của GHPGViệt

Nam, 1992.

- Tư tưởng Lão Trang trong Y thuật Đông phương

của BS Trần văn Tích, 1974.

- Đông y Xybecnêtic. BS Trần văn Tích, 1981.

- Thời châm cứu học. BS Nguyễn văn Thang, 1982.

- Orderly Chaos của Chõgyam Trungpa, 1991.

cùng các kinh sách trong Mật tạng PG Việt Nam...

---o0o---

Hết